Năm thứ hai. - Số 80
Thứ tư,
7 Janvier 1942

tri tân

tạp-chí văn-hoá ra hằng tuần

知新雜誌

TRONG SỐ NÀY :

Những truyền-thuyết đời thượng-cổ của nước ta — Đào-duy-Anh
Những ông nghè triều Lê (VI) — Nguyễn-văn-Tố
Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ (XI) — Ứng-Hoè
Sự thực về ông nghè Tân — Tiên-Đàm
Giặc Ngô-Côn — Toan-Ánh
Đâu phải là sự mới phát-kiến của vài ông ấy. — Đỗ-Giang
Thuộc-quốc Anh tại Úc-châu — Nhật-Nham
Phê-bình « Người bạn gái » — Lê-Thanh
Để giúp những đệ-tử thần « khỏe »... — Phan-kỳ-Nông
Lý Chiêu-hoàng (III) — Phan-khắc-Khoan
Thoát cung vua Mạc (VI) — Chu-Thiên
Việt-Nam văn-học sử (XVII) — Hoa-Bằng

REVUE
CULTURELLE HEBDOMADAIRE
195 RUE DU COTON 195
HANOI

GIÁ BÁO :
1 năm 6$80
6 tháng 3.50
3 tháng 1 80
MỖI SỐ 15 XU

Những truyền thuyết đời thượng cổ của nước ta

ĐÀO DUY-ANH

THEO truyền-thuyết thì nhà vua đầu tiên của nước ta là họ Hồng-bàng, sáng nghiệp từ năm 2879 trước tây nguyên.

Nguyên cháu ba đời vua Thần-nông nước Trung-hoa là Đế-Minh, sinh được con trai là Đế-Nghi rồi đi tuần thú xuống phương Nam. Đến miền Ngũ-lĩnh, Đế-Minh gặp một cô tiên, lấy làm vợ và sinh được một người con trai đặt tên là Lộc-Tục. Đế-Minh thấy Lộc-Tục thánh, trí, thông-minh, nên yêu-chuộng lắm, muốn truyền ngôi cho, nhưng Lộc-Tục không chịu. Sau Đế-Minh truyền cho Đế-Nghi làm vua ở phương Bắc và Lộc-Tục làm vua ở nước Xích-quỉ, ở phương Nam, hiệu là Kinh-dương-vương.

Một hôm, Lộc-tục gặp một người con gái chăn dê tự xưng là con gái vua hồ Động-đình là Thần-long, lấy làm vợ và sinh được một con trai đặt tên là Lạc-long-quân.

Lạc-long-quân lấy Âu-Cơ, là con gái Đế-Lai, con trai của Đế-Nghi. Âu-Cơ sinh được 100 cái trứng nở thành một trăm người con trai. Một hôm Lạc-long-quân nói với Âu-cơ rằng: « Ta là giống rồng mà nàng là giống tiên, thủy hỏa khắc nhau, không thể ở cùng nhau được. » Hai người bèn chia con, 50 người theo mẹ lên miền núi, 50 người theo cha xuống miền biển. Người con trưởng theo Long-quân được nối ngôi vua, đặt tên nước là Văn-lang, Đông giáp biển, Tây giáp đất Ba-thục, Bắc đến hồ Động-đình, Nam đến nước Hồ-tôn tức là nước Chiêm-thành ngày nay.

Đó là chuyện nòi-giống Tiên Rồng của người Việt-nam vậy.

Xét truyền-thuyết ấy, ta có thể nhận thấy ngay tính-chất hoang đường của nó ở những chỗ gặp Tiên-nữ, gặp Long-nữ, cùng đẻ trứng. Ta càng xét kỹ, ta càng thấy nó là hoang đường, vì cháu vua Thần-nông, — chưa kể Thần-nông là nhân vật thần thoại, —(1) không thể nào đi tuần thú ở miền Ngũ-lĩnh là miền đến đời Tần mới thuộc vào bản-bộ nước Trung-hoa, vì nước Văn-lang không thể gồm cả nửa phía Nam Trung-quốc và nửa phía Bắc Việt-nam ngày nay theo như giới hạn kể trên.

Cái tên Hồng-bàng cũng đã không phải là một tên thiệt. Hồng bàng 鴻厖, cũng như hồng mông 鴻蒙 (Trang-tử), hay 鴻濛 (Hoài-nam tử), hay là bàng hồng 厖鴻 (Trương-Hành), nghĩa là nguyên-khí chưa chia, trạng thái lộn-xộn mù-mịt buổi đầu. Xét nghĩa chữ ấy, ta có thể đoán rằng người xưa đặt ra để gọi triều vua thứ nhất của giống ta là chỉ cốt chỉ phiếm cái thời-kỳ tối tăm trong lịch-sử.

Tại sao người ta lại tìm nguồn-gốc nòi-giống ở tận giòng-giõi Thần-nông? Điều ấy là do cái ý của người ta muốn cho nòi-giống mình là cao quý. Do điều ấy ta lại có thể nhận thấy rằng truyền-thuyết xưa đã bị xếp đặt lại trong thời-kỳ Bắc-thuộc rồi.

Chuyện Lộc-tục gặp con gái Thần-long mà sinh ra Lạc-long-quân chỉ là một di-tích của chế-độ tô-tem. Đến như việc Âu-cơ sinh một trăm con, một nửa theo cha, đó chẳng qua là lịch-sử thần-thoại-hóa của các rợ ở miền Ngũ-lĩnh mà sách sử xưa gọi là các rợ Bách-Việt do nước Xích-quỉ chia ra. Chữ Bách-Việt vốn không phải là tên nước, chỉ là tiếng gọi chung các rợ ấy, phần nhiều là giống Anh đô-nê-diêng, đương còn ở trạng-thái cồi truồng hay đóng khố (Xích quỉ là quỉ ở truồng).

Theo sử xưa thì các nước Bách-Việt là do nước Việt ở miền Giang-tô Chiết giang bị nước Sở đánh mà tan rã đi ở rải-rác ở miền Nam nước Trung-hoa. Trong các rợ ấy, trọng yếu nhất là rợ Miêu, rợ Lô-lô từ xưa ở miền Hồ-nam, rợ Mán xưa ở miền Chiết-giang, cùng rợ Kinh-man xưa ở miền trung-lưu sông Dương-tử vào khoảng hồ Động-đình, mà nhà trung-hoa-học Aurousseau cho là thủy-tổ của các rợ Việt. Các rợ ấy hẳn là thuộc về một chủng-tộc, mà theo các nhà nhân-chủng-học ngày nay thì hậu-duệ của họ, hiện ở miền Nam nước Trung-hoa và miền thượng-du xứ Bắc-kỳ, là về giống Anh-đô-nê-diêng.

Một rợ trong đám Bách-Việt ấy, tức là rợ Lạc-Việt, sau cuộc chinh-phục của Tần-Thủy-Hoàng (221 trước kỷ-nguyên) sẽ lại với giống Mông-cổ mà thành tổ-tiên của giống Việt-nam ngày nay.

Truyền-thuyết nói Lộc-Tục gặp con gái Thần-long ở hồ Động-đình, và cho rằng nước Văn-lang xưa phía Bắc giáp đến hồ, ấy là nhớ lại nơi phát tích của rợ Việt (vốn là rợ Kinh-Man) vậy.

Truyền-thuyết nói Lạc-long-quân là con Lộc-Tục lấy Âu-cơ là con Đế-Lai, mà Đế-Lai là con Đế-Nghi là anh ruột của Lộc-Tục.

Đó là một dấu-hiệu khiến ta có thể nhận rằng bấy giờ là xã - hội mẫu-hệ. Long - quân và Âu - cơ theo phụ-hệ thì là một họ, mà theo mẫu-hệ thì chẳng có quan-hệ gì với nhau.

Việc Âu-cơ đem 50 con trai lên miền núi lại là một dấu-hiệu của chế-độ mẫu-hệ nữa. Việc Lạc-long-quân đem 50 con trai xuống miền biển và phong cho con đầu làm vua ở nước Văn-lang khiến ta có thể xem đó là dấu-hiệu của cuộc cách-mệnh do chế-độ mẫu-hệ chuyển sang chế-độ phụ - hệ, mà có lẽ là chế - độ phong - kiến cha truyền con nối.

Con trưởng của Lạc - long-quân làm vua nước Văn - lang, truyền được 18 đời, đều gọi là Hùng - vương. Nhà trung - hoa - học H. Maspero đã đính - chính chữ *Hùng - vương* bằng những chứng-cứ rất chắc-chắn, mà nói rằng chính là chữ *Lạc-vương* 雒王, chứ không phải là *Hùng-vương* 雄王. Ta muốn biết rằng rợ Việt mà truyền thuyết của ta gọi là nước Văn-lang, vốn tên là Lạc-việt ; ta có thể cắt nghĩa chữ ấy là : rợ Việt họ Lạc, hay là rợ Việt thuộc về thị-tộc (clan) Lạc. Tổ-tiên tô-tem của rợ ấy là *rồng* hay *rắn*, truyền thuyết bèn gọi là Lạc-long-quân (ở đây chữ *Lạc* thường viết ra 貉); mà ruộng nương của họ bèn gọi là lạc-điền, dân cày ruộng ấy bèn gọi là lạc-dân. Chữ *Hùng-vương* hay *Lạc-vương* là tên gọi các vua phong-kiến tiếp nối nhau, cũng như lãnh chủ ở bậc dưới thì gọi là *Lạc-hầu* và *Lạc-tướng*.

●

Truyền-thuyết cho rằng Hùng-vương đời cuối-cùng có con gái là Mỵ-nương, nhan-sắc rất đẹp. Vua nước Thục nghe tiếng muốn cầu hôn, Hùng-vương thuận gả, nhưng Lạc-hầu (chức phong-kiến ở dưới vua) can và nói rằng đó là mưu của vua nước Thục muốn cướp nước mình. Bị khước, vua Thục giận lắm. Sau đó có hai người đàn ông đều đến bái yết nhà vua và xin kết hôn với Mỵ-nương. Vua lấy làm lạ, hỏi thì họ đáp rằng một người là Sơn-tinh, một người là Thủy-tinh. Nhà vua bối-rối không biết nhận lời ai, bèn hẹn sáng mai ai đem sính-lễ đến trước thì được vợ. Sáng mai, Sơn-tinh đem đồ châu báu bạc vàng, cùng các sơn-cầm dã-thú đến làm lễ, vua bèn gả con gái cho. Sơn-tinh rước vợ về núi Tản-viên. Thủy tinh đến chậm, hối hận không kịp, bèn nổi mây, mưa và dâng nước lên, và đốc-suất các loài thủy-tộc đuổi theo. Sơn-tinh dăng lưới sắt để ngăn sông ở phía trên Từ-liêm, Thủy-tinh lại theo dòng sông khác mà vào miền chân núi Quảng-uy, lên cửa Hát-giang, chỗ nào cũng xoi thành đầm thành vực để chứa nước mà hãm núi Tản-viên. Sơn-tinh bèn dùng phép, gọi người Mán đan tre làm rào để chặn nước và dùng nỏ mà bắn, các loài tôm cá trúng tên chạy trốn cả, Thủy-tinh phải lui. Nhưng từ đó, mỗi năm Thủy-tinh vẫn nhớ giận xưa, cứ dâng nước lên để toan đánh Sơn-tinh.

Sau khi Mỵ-nương lấy Sơn-tinh, vua Thục lại càng căm-tức nữa, trước khi chết dặn lại con cháu thế nào cũng phải đánh lấy nước Văn-lang để rửa thù.

Chuyện Sơn-tinh và Thủy-tinh là một cách giải thích thần-bí của dân-chúng đối với cái hiện tượng lụt ngập hàng năm là cái tai-nạn không kém gì họa chiến-tranh cho nhân-dân ở miền lưu vực sông Hồng-hà. Theo các nhà cổ-học thì những chuyện truyền-kỳ đem nước và lửa hoặc biển và núi đối kháng nhau như chuyện Sơn-tinh Thủy-tinh, và chuyện Lạc-long-quân và Âu-cơ chia con, rất phổ-thông trong cổ-truyền của các rợ về giống Anh-đô-nê-diêng, có lẽ vì giống người ấy tự miền lục-địa chân Á tỏa ra miền biển ở phía đông đã từng lấn-lướt giống người thổ-trước các xứ họ chinh-phục, duồng đuổi vào miền núi mà chiếm lấy đất đồng-bằng và bờ biển.

●

Về nửa thế-kỷ thứ 3 trước kỷ-nguyên, sau khi thống-nhất nước Trung-hoa, Tần-Thủy-hoàng muốn chinh-phục các xứ Bách-Việt, trước là để trừ những dân-tộc láng-giềng hiếu chiến có thể gây rối ở biên thùy, sau là để chiếm lấy những miền đất phì-nhiêu và rất giàu những sản-vật quí như sừng tê, ngà voi, san-hô, trân châu, vàng bạc. Năm 221, vua Tần bèn phái đại đội binh mã, chia ra 5 đạo, mỗi đạo 10 vạn người, qua 5 cửa ải của Nam-lĩnh. Đạo thứ nhất lấy được rợ Đông-Âu và rợ Mân-Việt ở Thiết-giang và Phúc-kiến, thẳng đường xuống liên hợp với hai đạo khác đã đánh được rợ Nam-việt ở miền Quảng-đông. Đạo thứ tư và đạo thứ năm thì đánh Quảng-tây và lưu-vực sông Tây-giang. Sau những cuộc thắng-lợi dễ-dàng thu được trong khoảng một năm, quân nhà Tần muốn thẳng đường đánh luôn rợ Tây-Âu. Nhưng đến đấy thì cuộc chinh-phục trở thành gay-go : Người Âu-Việt chống-cự rất kịch-liệt. Trong vòng 3 năm quân Tần không làm gì nổi, một là vì giống Tây-Âu vốn dõng-cảm hơn các rợ kia, hai là vì vận lương hiểm-trở lắm. Nhưng sau nhờ Sử-lộc đào kênh để vận lương đến miền Tây-giang và phía bắc Bắc-kỳ,

quân Tần mới thắng trận và giết được tù-trưởng là Địch-Hữu-Tống. Nhưng người Tần càng tiến thì người Tây-Âu càng lui trốn vào rừng-rú, không chịu thần phục, rồi sau lựa những người kiệt tuấn tôn lên làm tướng, thình lình trỗ ra phản công, giết được hiệu-úy quân Tần là Đồ-Thư. Quân Tần phải lùi lại. Nhưng vào khoảng năm 218-127 trước kỷ-nguyên, nhà Tần phái Nhâm-Hiêu làm quan Úy quận Nam hải và Triệu-Đà làm quan Lệnh huyện Long-xuyên, đem vô số những người tù-tội bị đày để đóng giữ những đất đã chiếm được và thêm sức cho quân-đội chinh-phục « Sử không chép quân nhà Tần sang đánh lại rợ Tây-Âu thế nào. Nhưng ta có thể tưởng rằng cuộc chinh-phục ấy được hoàn-toàn thành công, nhờ có cuộc thực-dân và tổ-chức binh-bị » (2) như thế.

Nhưng khoảng tháng 7-8 năm 210 trước kỷ-nguyên, Tần-Thủy-hoàng mất, khiến nước Trung-hoa vừa mới thống-nhất nhờ bàn tay sắt của vị hoàng-đế anh-hùng ấy, lại phải chìm vào một cuộc loạn-lạc lâu-dài. Có lẽ trong khoảng loạn-lạc ấy, nhân Tượng-quận là đất xa-xôi, và quân đồn-trú yếu sức, nên một người cháu vua nước Thục nào đó (3) chắc rằng Trung-quốc có loạn, bèn đánh chiếm lấy Tượng-quận, giết những Lạc-vương và Lạc-hầu, Lạc-tướng trọng-yếu, và áp phục các phong-kiến-chúa khác, dựng lên một triều vua thứ nhất của giống Việt-nam, tức là nhà Thục. Vua Thục đặt tên nước là Âu-lạc, lấy hiệu là An-dương-vương, định đô ở Phong-khê và xây Loa-thành (hiện nay là làng Cổ-loa, tỉnh Vĩnh-yên) để giữ nước.

Trong khi ấy thì ở Trung-hoa, đầu năm 208, Nhâm-Hiêu gần chết, cho gọi Triệu-Đà đến và khuyên Triệu-Đà nên nhân nhịp loạn ấy mà độc lập. Nhâm-Hiêu mất, Đà thay Hiêu lên làm quan Úy quận Nam-hải. Sau đó, Triệu-Đà chiếm cứ luôn cả quận Quế-lâm và Tượng-quận.

Theo truyền thuyết của ta thì Triệu-Đà đem quân đánh nước Âu-lạc, nhưng An-dương-vương đã nhờ được thần Kim-qui giúp cho đắp được Loa-thành lại cho một cái móng để làm nẫy nỏ, — đem nỏ thần ra bắn tan được quân của Triệu-Đà. An-dương-vương dẫu thắng trận mà cũng chia đất cho Triệu-Đà để giảng hòa. Con Đà là Trọng-Thủy kết hôn với con gái An-dương-vương là Mỵ-châu. Trọng-Thủy lừa vợ để xin xem nỏ thần rồi ăn cắp nẫy nỏ và trở về xui cha tiến binh. An-dương-vương đã mất nẫy nỏ thần, bị quân Đà đánh, phải bỏ thành đem con chạy trốn, Chạy đến chỗ núi Mộ-dạ, phủ Diễn châu, tỉnh Nghệ-an ngày nay, An-dương-vương thấy trước mặt là biển, sau lưng là giặc, không chạy được nữa, bèn cầu cứu với thần Kim-qui. Thần Kim-qui nổi lên mặt nước bảo cho vua rằng giặc tức là con gái của vua. An-dương-vương giận con, rút gươm chém, nhưng trước khi chết, Mỵ-châu nguyện được hóa làm châu ngọc để tỏ lòng trung-trinh. Máu Mỵ-châu chảy suống biển, hóa ra ngọc trai. An-dương-vương sau khi chém con thì nhảy xuống biển mà biến mất. Còn Trọng-Thủy nhờ được lông ngông của vợ rải trong khi chạy trốn để đánh dấu đường, tìm được đến nơi thu xác vợ về chôn ở Loa-thành và thương xót quá, nhảy xuống cái giếng là nơi Mỵ-châu thường tắm rửa mà chết theo.

Sách xưa của người Trung-quốc không chép việc Triệu-Đà đánh An-dương-vương để chiếm cứ Tượng-quận, nhưng cứ truyền thuyết ấy, nếu ta bỏ đi những yếu tố hoang đường, thì cũng còn lại cái kỷ-niệm của một cuộc chiến tranh hẳn có.

Nhưng truyền-thuyết cho rằng nhà Thục lập quốc từ năm 257 thì sai, vì An-dương-vương chiếm được đất Lạc-Việt là nhờ cuộc rối loạn sau khi Tần-Thủy-hoàng chết, vào cuối năm 210. Vậy thì nhà Thục chỉ trị vì được từ năm 210 đến năm 208 là năm Triệu-Đà xưng vương nước Nam Việt.

ĐÀO-DUY-ANH

1) Xem bài « *Truyền-thuyết đời thượng-cổ của nước Tàu* » ở Tri-Tân số 24.

2) La première conquête chinoise des pays annamites par Auroussau B. E. F. E. O. XXIII p. 237.

3) Theo truyền thuyết, Phán là cháu ông vua nước Thục trước kia cầu hôn Mỵ-nương, con vua Hùng-vương cuối cùng mà không được.

Khóa sổ nhận quyền dự thi lịch-sử

Tri-Tân xin trịnh-trọng cảm-tạ các bạn đã hưởng-ứng cuộc thi lịch-sử do bản-chí tổ-chức.

Phàm những quyển thi nhân được bản-chí đều đã cẩn-thận để riêng một chỗ.

Như trong thể-lệ đã định, hạn nhận bài thi đến 31 Décembre 1941 là hết.

Vậy kể từ 1er janvier 1942, Tri-Tân xin khóa sổ nhận quyển dự thi và sẽ lập một ủy-ban để chấm.

Đến tháng Février sẽ tuyên-bố kết quả cuộc thi lịch-sử này. Xin các bạn để ý cho.

TRI-TÂN

Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ Số 11

Ứng-hoè NGUYỄN VĂN-TỐ

XXXIV

Vịnh Nam-giao

(Thơ Trịnh-Côn, 1682-1709)

Bài dẫn (bằng chữ Hán). — Tế Nam-giao dựng nên là việc rất kính-cẩn. Ta nối theo nghiệp vương, gìn-giữ nền nhớn, đầu mùa xuân chọn ngày tốt, thân giúp xe vua, kính tới bái yết, ngưỡng chiêm đức nhớn, rờ-rỡ khó tả. Lòng cung kính sinh ra, nhân thế làm bài ca, ngâm thành một luật quốc-âm, để tỏ lòng thành-thực kính-cẩn.

Vững đặt kiền khôn khéo vẹn nên,
Nhạt vời trần tục quá vời khen.
Mấy lần rờ-rỡ kim-anh điện,
Một áng lầu-lầu thế-giới tiên.
Phát dục bốn mùa ơn hiệu đãng,
Bao hàm muôn vật đức thuần toàn.
Lễ hằng kính yết tuần nguyên chính,
Mặc hựu đều nhờ sức đại-viên.

(Trích ở *Ngự-đề Thiên-hòa doanh bách vịnh thi-tập*, sách viết của Trường Bác-cổ, số AB 544, tờ 4 a-b.)

XXXV

Vịnh cung miếu

Bài dẫn (bằng chữ Hán). — Nghĩ hiếu-đạo thờ tiên-tổ, rõ-rệt nhời giáo-huấn, xem văn hay mà chuộng đức trung-thuần, xét việc tế-tự mà suy đến căn nguyên tình-đốc. Ôi! nghĩ các vị thánh-vương rất là tôn-kính, một lòng giúp-đỡ sửa-sang nghiệp nhớn, phấn-chấn anh-uy dũng-lược, trừ kẻ tiếm nghịch, điềm quái-gở, yên vạc rồng, lấy lại thần-kinh, mở mang cõi đất, hưng khởi việc đời. Hiệu lệnh ầm ầm như gió sấm, cương trù vằng vặc như mặt giăng mặt giời, mơn mởn tam cương cửu trù như mùa xuân, rờ rỡ như mùa hè, trăm thần ủng hộ, chín cõi qui phục. Giữ triều-đình ngay thẳng để đặt phép công bằng, khắp hoàn hải đều khuôn nung đúc, công giáo dục sánh cùng giời đất, nhân ân thấm nhuần muôn vật. Xa gần đều nhờ mây tạnh, ngang dọc cùng vết bánh xe, vận tốt như giời sáng vằng vặc, mối truyền như giây dài miên-viễn. Nhớ công xây dựng khó nhọc, cơ nghiệp đắp nên, nối theo làm thêm sáng sủa, công to phép thịnh, rõ ràng trong sách vở, chính tốt mưu hay, để mãi như rùa để bói, như gương để soi, trông như núi cao, lòng mến nhường nào, cảm động vun giồng, chưa từng mầy may báo bổ, chép hai bài tán-dương, hầu tỏ lòng kính mến.

Trung-hưng đem lại vững nền vương,
Sửa dẹp nhiều thu sức đởm đương.
Uy hiển nhơn nhơn trên thánh-tọa,
Lễ nghiêm chềm chềm trước kim đường.
Dõi truyền tôn xã muôn đời thịnh,
Sáng để huân danh bốn bể vang.
Ngữ thể đức kiền càng cảm kích,
Nỗi lòng truy viễn bức vân chương.

◆

Dài dặc thần cơ chi mở mang,
Công thu thu vẹn chính triều cương.
Kinh bày diện-diện đồ khuê-bích,
Gìn giữ khăng khăng phép để thường.
Nhờ phúc trùng trùng so địa hậu,
Tưởng ơn dằng dặc sánh thiên trường.
Tình phù thế nước nhường như tại,
Thăm thẳm cao trông ngỡ thái dương.

(Trích ở *Thiên-hòa doanh bách vịnh*, tờ 5 a — 6 b.) (1).

XXXVI

Văn tế phò mã Võ-Tánh và thượng-thư Ngô-tòng-Chu

(Đặng Đức-Siêu soạn) (2)

Than rằng: đạo thần tử hết lòng thờ chúa, gian nan từng dãi dạ trung thành; đấng anh hùng vì nước quên mình, điên bái chẳng lay lòng trung nghĩa (3). Ngọc dù tan, vẻ trắng nào phai; trúc dẫu cháy, tiết ngay vẫn để (4).

Nhớ hai ngươi (5) thao lược ấy tài, kinh-luân là chí. Phù vạc Hán (6) thuở ngôi trời chếch lệch, chém gai đuổi lũ hung tàn; vết xe Đường khi thế nước chông-chênh, cầm bút ra tay kinh-tế.

Mối nghĩa sánh duyên gác tía, bước gian-truân từng cậy dạ khuông phù; màn kinh giúp sức cung xanh, công mông dưỡng đã đành lòng ủy-ký.

Hậu quân thuở trao quyền tứ trụ, chữ ân-uy lớn nhỏ đều phu; lễ-bộ phen giúp việc chính khanh, bề trung-ái sớm khuya chẳng trễ.

Ngoài cõi vuốt nanh ra sức, chí tiêm-cừu đành dãi xuống ba quân; trong thành lòng dạ chia lo, bề ưu-quốc đã thấu lên chín bệ (7).

Xem tiếp trang 7

SỬ-LIỆU SỐNG

Sự thật về ông Nghè Tân

TRONG văn-học giới có nhiều lần nhắc đến tên ông Nghè Tân và những truyện giai-thoại về ông Vừa đây tôi được hầu chuyện một cụ Ấm người lang Thượng-cốc có họ với ông Nghè Tân, vậy xin cứ ghi nguyên câu chuyện ấy ra sau đây, họa may giúp thêm được đôi chút tài-liệu để cung cho việc khảo-cứu về văn-học.

Ông tên là Nguyễn Quí-Tân, hiệu Đỉnh - Trai, người làng Thượng-cốc, huyện Gia-lộc, tỉnh Hải-dương, sinh năm Giáp-tuất (1814), niên hiệu Gia-long thứ 13, mất năm Mậu-ngọ (1858), niên-hiệu Tự-đức thứ 11.

Cha tên là Nguyễn Thực, vốn nghiệp nho, thi hương đỗ bốn khoa tú-tài, ngồi dạy học ở làng.

Ông Tân tính-nết ngang-tàng, phóng đãng, nhưng rất thông-minh. Thiếu-thời ông không chịu học-hành gì cả, chỉ hết ngày ấy qua ngày khác đánh thò-lò quay đất cùng mấy tên vô-lại Cụ Nguyễn la-rày thế nào mặc dầu ông cũng không chừa. Thậm chí cứ tới đến, cụ ngồi học, bắt ông ngồi ngay trước mặt cùng học; nhưng ông lừa lúc nào cụ mệt, nằm xuống ngủ, liền lấy chiếu đắp cho cha, rồi ron-rén leo tường trốn ra đi chơi. Cụ sực tỉnh dậy, gọi đến « thằng Nhớn » (tên tục ông Tân), không thấy, lại đùng-đùng mang roi đi tìm.

Hồi ấy, có lệ học trò không đỗ-đạt gì đều phải ra lính Cụ Nguyễn thương con, hết sức kèm ông học, nhưng ông ũng chỉ qua-loa lấy lệ! Sau cả hai cha con đều đỗ tú-tài một khoa (không nhớ khoa nào)

Tưởng ông đỗ tú-tài, vào hàng văn-thân thì cải tính, cải nết, ai ngờ chứng nào vẫn tật ấy, có chừa đâu! Về sau quá lắm, cụ phải làm đơn đem ông lên huyện Gia-lộc xin từ.

Quan huyện, do chân khoa-mục xuất thân, thấy thế, sợ mang tiếng sĩ-lâm trông hạt, mới cho đòi ông vào dạy-bảo các nhẽ, nhưng ông cũng vẫn thế!

Lần thứ hai cụ Nguyễn lại xin từ con. Lần này quan huyện phải nghĩ một cách cho ông đi xa khỏi chơi bời Ngài bàn với cụ Nguyễn cho ông lên Hải-dương bạch khiêu để vào học trường Quốc-tử-giám ở Kinh-đô.

Lệ bạch khiêu nặng lắm, vì bài-vở ngang với thi hội. Cứ tài học ông Tân thì không sao đỗ được, nhưng trong họ phần nhiều là người hay chữ mới lên tỉnh « ga » cho ông. Ông đỗ khiêu và được tuyển vào hàng cống-sĩ Bắc-kỳ học Gam ba năm để thi hội.

Đến ngày tiến Kinh, anh em lại góp tiền được 15 nén bạc, tiễn ông lên đường Hành-trình qua tỉnh Thanh hóa. Ông vẫn máu-mê cờ-bạc, chỉ mở có một tiếng séc-dĩa hết cả 15 nén bạc. Lúc ấy hai thày trò tình-cảnh thật khốn-đốn Chủ trọ thương tình gan hỏi, biết là cống-sĩ Bắc-hà, thương cho chịu tiền trọ, lại cấp thêm cho tiền ăn đường vào Kinh.

Ở Huế, là nơi đô-hội phồn-hoa, thanh-lịch, ông lại càng thích chơi-bời. Thậm chí thiếu tiền đánh bạc, ông điền-đình cả với lễ-sinh ở Gam phát dầu thắp chiết can bằng tiền (lệ khi xưa, nhà-nước cấp dầu thắp cho học-trò Quốc-tử-giám, nhưng không được phép đem bán). Nếu thiếu dầu, ông lại đi nhờ anh em.

Cụ Nguyễn nghe tin con ở Kinh chơi-bời quá, mới nghĩ cách cho bà vợ ông là người hiền-đức theo trông-nom việc thổi-nấu và kiềm-chế một thể.

Nhưng nào có được đâu, bà vợ ông vì xấu, bị ông mỗi lần đi chơi về, đánh-đập rất khổ-sở, nhưng bà không hề than-thở một câu.

Lúc ấy, ông cùng trọ với ông Phan Tam-Tỉnh (người Nghệ-an) Ông Phan là người học uyên-xúc, còn ông Tân chỉ cờ bạc thôi.

Một hôm, bà Phan từ Nghệ vào thăm chồng, thấy hai ông còn mải-miết đánh bài mà kỳ thi sắp tới, bà mới bàn với bà Tân, rồi hai bà định can các ông ấy.

Bà Phan lên trước, gọi ông Phan ra, rồi chỉ bà bạn mà nói: « Thưa ông, bà Cống Thượng-cốc đây phàn-nàn với tôi rằng các ông không chịu đọc sách, chỉ ham bài bạc thì thi cử sao được Vậy xin ông dẹp bài đi mà lo việc học. » Ông Tân đang cầm bài, chạy ra nói: « À, nếu cóc mở miệng thì có lẽ tôi sẽ đỗ, các bà đã dạy thế, anh em chúng tôi xin vâng. »

Nói xong, vào nhà lấy quyển kinh Lễ ra, miệng khấn: « Nhờ giời phù hộ cho tôi vào trúng được bài trong sách này. » Rồi cũng chỉ xem được độ 20 tờ là lại đi chơi.

Năm ấy là niên-hiệu Thiệu-trị thứ hai (1842). Gặp khoa thi Nhâm-dần, các cống-sĩ đều ứng thi. Kỳ đệ nhất kinh-nghĩa. Ông Tân quên hết cả sách, không làm được bài, lừa lúc người lính canh sơ ý, mang ngự đề lén sang hỏi ông Phan Tam-Tỉnh Ông này, không những không bảo, lại còn

nhiếc rằng : « Tôi thi với bác, chứ thi với ai, sao lúc nhàn, bác không đọc sách. » Ông Tân tức quá, về chỗ, liền viết văn kim cho xong việc, vì sợ để quyền trắng bị tội.

Sau kỳ này, ông Tân giận ông Phan, dọn lên trọ trên chùa Thiên-Mỗ. Anh em lại chơi bỏi về thi, ông chỉ giả nhời : « Văn tôi một là ăn to, hai là sẽ bị tội nặng. »

Đến kỳ ra bảng, một sự không ngờ : Ông được vào. Đến văn sách, đầu bài ra trúng ngay vào 20 tờ kinh Lễ ông đã thuộc lòng. Nhờ thế, khoa ấy ông đỗ đệ tam giáp T ến-sĩ, tuổi mới có 29.

Lúc các tân-khoa vào ngự uyển khán hoa, ông Tân tham chọn ngay bông hoa râm-bụt. Các tân-khoa phải làm một bài thơ dâng lên ngự-lãm. Đến lượt ông Tân, đức Thiệu-trị phì cười mà phê rằng : « *Hữu sắc vô hương* ! » Nếu thần khẩu quả có linh thời cái đời ông nghè Tân thật quả không « nên cơm cháo gì ».

Ông được sơ bổ tri-phủ Quốc-oai (Sơn-tây), nhưng chả may khi mới nhậm chức, gặp ngay quan Tổng-đốc ghét (vì ông này khi trước làm Tế-tửu Quốc-tử-giám, mà trong thời-kỳ học Giám, ông Tân không bao giờ đến chào thày).

Ông biết thế không sao ở được, mới hội-họp tất cả tổng lý trong hạt, đánh một canh sóc-đĩa rất lớn rồi xin cáo quan về.

Đến khi cụ Nguyễn-Công Trứ ra làm Tổng-đốc Hải-dương, thấy ông nghèo túng quá mới bổ cho đi giáo-thụ phủ Bình-giang, nhưng hiềm vì học trò ít, bổng lộc không, nên ngày ngày quan giáo cứ sang ngồi « ám » quan phủ.

Lâu dần quan phủ khó chịu, mật bẩm lên quan Tổng-đốc. Cụ Nguyễn-Công Trứ khuyên ông nên làm giấy x n thôi.

Rồi từ đó, nay chơi hạt này, mai chơi hạt khác, làm nhiều sự khó chịu cho các quan địa-phương.

Thực ra ông Tân có phải là thanh-tra gì đâu. Nhưng vì có lệ mỗi năm vẫn có q an Ngự-sử từ kinh ra Bắc xét về tình-hình quan-lại, ông cứ đến các hạt làm thơ nôm, dạy trẻ chăn trâu hát, vô-phúc mà quan Ngự-sử sao chép được, đẹ về kinh thì quan bản hạt bị tội liền. Vì thế ông đi đến đâu ai cũng k ềng mặt trọng đãi, tiễn tống bẩn-hoi.

Năm 45 tuổi, về ở quê, thấy mình già yếu, gặp ngày tết, ông khai bút có ngẫu đề hai câu :

Tứ thập ngũ tuế, nhất triêu thành cổ nhân, bán thế dĩ tiền phi thị mộng ;

Nhị thập cửu tuế, nhất cử trúng tiến sĩ, thiên thu chi hậu thọ ư danh.

NGHĨA LÀ :

Bốn mươi nhăm tuổi một sớm thành ra người thiên-cổ, những việc nửa đời về trước không phải là chuyện chiêm bao.

Hồi hai mươi chín tuổi, thi một cái, đỗ ngay tiến-sĩ. Nghìn năm sau, danh ta được trường thọ

Rồi ông mất năm ấy, thọ 45 tuổi, niên hiệu Tự-Đức thứ 11 (18 8).

Ô g hay làm văn nôm, có nh ều bài được truyền-tụng. T ếc rằng chúng tôi chưa sao được hết vì còn nhiều bài đáng ngờ

Ông nghè Tân có hai vợ ; bà chính thất là người rất hiền-đức đã từng theo ông vào kinh khi còn học G ám ; bà vợ thứ, lấy vào lúc làm tri-phủ Quốc-oai.

Ông sinh được năm người con giai, trong số ấy có người thứ hai là Nguyễn ăng-Tấu, đỗ cử-nhân khoa mậu dần, 1878, đời Tự-đức, làm quan đến Đốc-học Hà-nam.

H ện nay con cháu ở làng Thượng cốc vẫn còn đông lắm.

TIÊN-ĐÀM *thuật*

Tài-liệu đính-chính văn cổ

Tiếp theo trang 5

Miền biên-khổn đôi năm chia sức giặc, vững lòng tôi bao quản thế là ngụy (8) ; cõi Phú-xuân một trận thét oai trời, nặng việc nước phải lấy mình lam nhẹ.

Sửa mũ áo lay về bắc khuyết, ngọn quang-minh hun nát tấm trung-can ; chỉ non sông g ã với cô-thành, chén tân khổ nhắp ngon mùi chính khí (9).

Há rằng ngại một phen thỉ-thạch, giải trung vi mà tìm tới quân-vương ; bởi vì thương muôn mệnh tì hưu, t à nhất tử để cho toàn tướng-sĩ (10).

Tiếng hiệu lệnh mơ-màng trước gió ân-tín xưa người bộ khúc thương tâm (11) ; bóng tình trung thấp thoáng dưới đèn, phong nghi cũ kẻ hiêu bằng sái lệ.

Cơ đãng định kíp chầy đành hẹn buổi, xót nỗi tướng doanh sao vắng mặt thân-huân ; phận truy-tuy gang tấc cũng đền công, tiếc vì nhung mạc bỗng thiệt tay trung-trí

Nay gặp t ết thu, bầy tuần uý tế. Hai chữ cương thường nghĩa nặng, rõ cồn hoa cũng thỏa chốn u mi h ; nghĩa thu quang nhạc khí thiêng, sắp mao việt để mở nền bình trị (12). Thượng hưởng.

(Theo quyển *Lệ-ngữ văn tập*,

sách viết bằng chữ nôm của trường Bác-cổ số A B 166, tờ 20 a-21 a.)

(Còn nữa)

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

1/ Quyển *Thiên-hòa-doanh bách vịnh* chưa ai diễn ra quốc-ngữ.

2/ Bài văn tế Võ-Tánh và Ngô-tòng-Chu đã có nhiều người in ra quốc ngữ nhưng xét ra có một vài chữ khác với hai bản chữ nôm của trường Bác-cổ; một bản chép trong quyển *Quốc văn tùng ký* (số a b 383 quyển thượng, tờ 26 a-b) có tên tác giả là Đặng-đức-Siêu; một bản chép trong quyển *Lệ-ngữ văn tập* (số a b 166, tờ 20 a-21 a) đề là *Tế phò-mã dữ Lễ-bộ thượng-thư văn* và chua hai câu chữ nho dịch như sau này: « Phò mã bị vây tự đốt mình; Thượng thư bị vây tự uống thuốc độc ». Không thấy sách nào chép rằng: « bài này là của vua Gia long tế viếng hai ông trung thần » như lời của mấy nhà xuất bản viết trong sách văn tuyển Còn những chỗ dị bản, xin kê ra sau đây.

3/ Bản đãng dám lay lòng tiết nghĩa.

4/ Tiết ngay còn đề, tiết ngay hãy đề.

5/ Nhớ hai ngươi xưa.

6/ Giúp đỉnh Hán.

7/ Trong thành vững dạ chia lo, bề ưu quốc đã thấu lên chín bệ.

8/ Miền biên khổu liền năm chia sức giặc, vững đạo tôi chi quản thế là nguy.

9/ Chén tân khổ ngọt ngon mùi chính khí.

10/ Thà nhất tử xin cho toàn tướng sĩ.

11/ Ân tín xưa người bộ khúc đau lòng.

12/ Nghìn thu quang nhạc khí cương giúp mao việt rồi mở nền bình trị.

Cải chính. — Dù sửa kỹ đến đâu cũng còn bỏ sót; nhưng chúng tôi dám chắc rằng độc giả đã chữa giúp cho rồi, bất tất phải cải chính. Duy có số gần đây (số 28 ngày 19 Décembre 1941) chúng tôi quên mất câu: bài phú *thày đồ dạy học* đã in trong quyển *Cổ xúy nguyên âm* của cụ Nguyễn Đông châu (quyển thứ nhì trang 85). Về những bài phú, bài kinh nghĩa và bài văn sách, chúng tôi định khi nào in ra thành sách sẽ chua những chỗ dị bản vì chua cả ra đây sợ dài quá.

Những ngày « lịch-sử » trong tháng Janvier

Ngày 15 tháng một, năm Tân - tỵ. Thứ năm, 1 Janvier 1942

Ngày nay năm Qui - mùi 1833; quân Pháp đánh thành Sơn - tây Bắc-kỳ.

Ngày 16 tháng một, năm Tân - tỵ Thứ sáu, 2 Janvier 1942

Ngày nay năm Mậu-tý, 1888, quan Kinh - lược Nguyễn hữu - Độ mất.

Ngày 17 tháng một năm Tân - tỵ Thứ bảy, 3 Janvier 1942

Ngày nay năm Quí-mão, 318 trước Tây-lịch, ông Chử Đồng-tử và bà Tiên-Dung biến mất ở làng Đa-hòa, phủ Khoái-châu, Hưng-yên.

Ngày 18 tháng một, năm Tân - tỵ Chủ-nhật, 4 Janvier 1942

Ngày nay năm Nhâm - tuất, 1742, quân Triều-đình đại thắng quân Quận Hẻo ở vùng Hồng môn (?)

Ngày 19 tháng một năm Tân - tỵ, Thứ hai, 5 Janvier 1942

Ngày nay năm Canh-tí, 1660, quân chúa Nguyễn đánh nhau với quân Trịnh - Căn ở làng Phù - lương Thượng, huyện Nghi-xuân, Hà-tĩnh.

Ngày 20 tháng một năm Tân - tỵ, Thứ ba, 6 Janvier 1942

Ngày nay năm Mậu-thân, 1788, Ngô văn Sở, tướng nhà Tây-sơn, vì thấy vua Lê Chiêu-thống cầu được binh nhà Thanh sang cứu, bèn bỏ Thăng-long, lui về giữ núi Tam - tằng ở Thanh-hóa, Trung-kỳ.

Ngày 21 tháng một năm Tân - tỵ, Thứ tư, 7 Janvier 1942

Ngày nay năm Mậu thân, 1788, vua Lê Chiêu - thống tiếp kiến Tôn - sĩ-Nghị, chủ tướng binh nhà Thanh, tại thành Kinh-bắc.

Ngày 22 tháng một năm Tân - tỵ Thứ năm, 8 Janvier 1942

Ngày nay năm Mậu - thân, 1788, quân Tôn-sĩ-Nghị nhà Thanh kéo vào thành Thăng-long.

Ngày 23 tháng một năm Tân - tỵ, Thứ sáu, 9 Janvier 1942

Ngày nay năm Canh - thân, 1740, quan Tiến-sĩ Trần-Cảnh đánh đuổi được Giặc Nành, Nguyễn Tuyên, giải nguy cho kinh-thành Thăng-long.

Ngày 24 tháng một năm Tân - tỵ, Thứ bảy, 10 Janvier 1942

Ngày nay năm Đinh-hợi 1287, Hưng đức hầu Quán dùng tên thuốc đánh quân Nguyên. Quân Nguyên thua phải lui xuống cả Võ-cao (?)

Ngày 25 tháng một năm Tân - tỵ Chủ nhật, 11 Janvier 1942

Ngày nay năm Mậu-ngọ 1948, Phi-tướng Cao-đắc Minh bị chết cháy trong khi bay ở Saigon.

Ngày 26 tháng một năm Tân - tỵ, Thứ hai, 12 Janvier 1942

Ngày nay năm Nhâm-tý 1672, quân chúa Nguyễn và quân chúa Trịnh giao chiến ở thành Trấn-ninh, xưa thuộc tỉnh Nghệ-an nay thuộc về Ai-lao.

Ngày 27 tháng một năm Tân - tỵ Thứ ba, 13 Janvier 1942

Ngày nay năm Mậu-thân 1788, vua Lê Chiêu - thống sai sứ sang Tàu rước bà Thái-hậu về nước.

Ngày 28 tháng một năm Tân - tỵ Thứ tư, 14 janvier 1942

Ngày nay năm Kỷ-dậu 1729, chúa Trịnh-Cương đi chơi cung Cổ - bi rồi mất tại đấy, thọ 44 tuổi, làm chúa được 22 năm.

Ngày 29 tháng một năm Tân - tỵ Thứ năm, 15 janvier 1942

Ngày nay năm Bính - tuất 1886, khánh-thành nhà thờ lớn « Saint Joseph » tại Hà nội.

Ngày 30 tháng một năm Tân - tỵ Thứ sáu 16 janvier 1942

Ngày nay năm Canh - tí 1660, Trịnh-Căn thống - lĩnh đại quân chúa Trịnh thúc binh đuổi quân chúa Nguyễn thua chạy vào Nam Bố-chính.

(Còn nữa)

Long-Điền Nguyễn văn-Minh

---

kỳ sau:

Thận-trọng đối với tiền-nhân

TẢO-TRANG

Bia Văn-Miếu

Những ông nghè triều Lê

SỐ 6

Ứng-Hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

BIA Văn-miếu với sử *Cương-mục* (chính-biên, quyển 17, tờ 22 a) đều chép năm Đại-bảo thứ ba (tức là năm 1442) mới bắt đầu đặt lệ dựng bia để tên những ông « tiến-sĩ cập-đệ », « tiến-sĩ xuất-thân » và « tiến-sĩ đồng-xuất-thân ».

Nhưng về triều Lê, trước năm Đại-bảo, đã có vài khóa thi, tưởng nên kê ra đây nhân thể, để ghi tên các bậc danh-thần và các nhà văn-học có tiếng : Có ông làm nên hiển-hách như ông Đào-công-Soạn, có ông để lại những sách-vở có giá-trị như ông Phan phu-Tiên.

Ông Đào-công-Soạn, tên tự là Tân-khanh người ở Thiện-phiến (Tiên-lữ). Năm bính-ngọ (tức là năm 1426, *Đăng khoa lục*, 9. 1, tờ 1 a, chép là năm Trần Thiên-khánh thứ nhất), vua Lê Thái-Tổ (1418-1433) ra chơi Đông-đô, mở khoa thi, ông đỗ đầu. Khoa ấy trúng-tuyển tất cả là ba mươi hai người (giáp-đệ 26 người, ất-đẳng 6 người) ; nhưng chỉ tìm thấy có tên ông Đào-công-Soạn và tên hai người nữa, là Nguyễn-Dực và Nguyễn-Vĩ (theo *Đăng khoa lục*).

Hồi đó vua Lê Thái-Tổ mới lấy được nước, sai người sang trần-tình với nhà Minh. Ông Đào-công-Soạn được cử làm Hoàng-môn thị-lang tham-tri chính-sự ; đi sứ Tàu về, làm thượng-thư bộ Hộ. Năm Thuận-thiên thứ hai (1429) làm đầu-mục, sung chánh-sứ đi cầu phong và tâu về việc tìm con cháu nhà Trần. Về, làm Đông-đạo tham-tri. Năm Thiện-bình thứ nhất (1434) làm tri thẩm-hình-viện-sự. Mùa đông năm sau (1435) thăng Thẩm-hình-viện sứ, kiêm Lễ-bộ thượng-thư.

Lúc ấy sứ nhà Minh sắp sang, vì ông am-hiểu ngôn-ngữ, tường-tận điển-cố nên vua Thái-Tôn (1433 1442) sai giữ việc ứng-tiếp. Mùa xuân năm bính-thìn (1436) lại đi chánh sứ sang nhà Minh. Mùa thu năm đinh-tị (1437) làm Môn-hạ tả-thị-lang, tham-tri Bắc-đạo bạ-tịch.

Năm giáp-tí là năm Thái-hòa thứ hai (1444), lại sang cống nhà Minh. Lúc về làm Nhập-thị kinh-diên.

Mùa hè năm kỉ-tị (1449), vì tuổi già xin trí-sĩ, vua Nhân-Tôn (1442-1457) không cho, gia cho làm Nhập-nội đại-hành-khiển, trì tam-quân-sự.

Năm Diên-ninh bính-tí (1456), vua thấy ông là kẻ lão-thần am-hiểu mọi việc, cử lên Thái-nguyên xem-xét việc bờ cõi, lúc ấy đã gần tám mươi. Phần nhiều luật-lệ quốc-triều ông soạn ra cả. Tính ông khiêm-cung kiệm-ước, không khác gì người học-trò, lại có vẻ phong-độ danh-thần, thơ rất thanh-tao. Bộ *Toàn-Việt thi-lục* của ông Lê-quí-Đôn (sách viết của Bác-cổ, số A 1262, 9-7, tờ 41b-42b) còn sao lại ba bài, đề là *Lão-mai, Trù-tịch cảm-hướng, Xuân-nhật phỏng hữu bất ngộ*.

Ông mất năm 78 tuổi. Con là Đào-Dung cũng đi xứ. Tằng-tôn là Đào-Nghiễm đỗ đồng-tiến-sĩ xuất-thân năm Thống-nguyên thứ hai (1523). Huyền-tôn là Đào-Phạm cũng đỗ đồng-tiến-sĩ xuất-thân năm Chính-trị thứ mười một (1568) (Chép theo *Lịch-triều hiến-chương*, 9-7 ; *Toàn-Việt thi-lục*, 9-7 ; *Đại-Nam nhất thống chí, Hưng yên tỉnh*, tờ 15 b ; *Đăng khoa lục*, 9-1, tờ 1 a).

◆

Năm kỷ-dậu là năm Thuận-thiên thứ hai (1429), mùa hè tháng năm, thi khoa « minh-kinh ». Vua Lê Thái-Tổ « chiếu cho các quan trong ngoài tự tứ phẩm trở xuống, cùng những quân-nhân ở mọi phủ mọi lộ, và những kẻ sĩ-phu ẩn-dật ở chốn sơn-lâm, ai thông kinh-sử, giỏi văn-nghệ, hết thảy cho đến tỉnh-đường ở kinh-đô hội thi » (*Đăng khoa lục*, 9. 1, tờ 1 a). Không rõ danh số các người trúng-tuyển, duy còn chép lại tên ông Triệu-Thái (xem *Tri-tân*, số 26, trang 12), ông Trình-thuấn-Du (xem *Tri-tân*, số 27, trang 9), ông Phan-phu-Tiên và bốn ông nữa sẽ kể sau.

Ông Phan-phu-Tiên, người làng Đông-ngạc, huyện Từ-liêm, tỉnh Sơn-tây ngày xưa. Đỗ Thái-học-sinh khoa Quang-thái nhà Trần (1396), lại đỗ khoa « minh-kinh » năm Thuận-thiên nhà Lê (1429). Làm quan ở viện Quốc-sử (theo *Đại-Việt sử-ký*, mục-lục, tờ 11 a), sau ra làm An-phủ-sứ ở Thiên-trường (*Toàn-Việt thi-lục*, 9-10, tờ 1 a), giữ chức Quốc-tử bác-sĩ (*Cương-mục*, 9-18, tờ 28 b). Tên tự là Tín-thần, tên hiệu là Mạc-hiện. Soạn bộ *Đại-Việt sử ký* (tiếp theo *Sử ký* của Lê văn-Hưu, quãng nhà Trần, 1225-1493, từ Trần Thái-Tôn đến Trần Trùng-Quang-Đế) và quyển *Việt-âm thi-tập*. Quyển này ở Bác-cổ có hai bản, một bản chữ (A 1925) và một bản nôm (A B 7). Bản nôm chép một bài vịnh Văn-miếu như sau này :

Thần - minh dòng trước nẻo Thương Thang,
Thư ngọc lầu-lầu sớm ứng tường.
Đức cả hồn-toàn so Thái-cực,
Đạo màu tinh-túy sánh tam quang.
Giáo là đàn hạnh còn vang đạc,
Phép để Kinh Lân hãy sáng gương.
Nền mở thái-bình nhuần tám cõi,
Thử hình thức-thực đối thiên-trường.

(Còn nữa)

Ứng-hòe NGUYỄN VĂN TỐ

Thành Bắc-ninh với giặc Ngô-Côn

DƯỚI triều vua Tự-đức, quanh thành Bắc-ninh có nhiều đám giặc nổi lên quấy nhiễu : nào Nguyễn-đình-Cúc (1) tự xưng là Lê-Duy-Khang nào giặc Cai-Vàng (2), nào giặc Ngô-Côn. Trong bài này tôi chỉ nói đến giặc Ngô-Côn.

Sau khi dẹp tan giặc Cai-Vàng được vài năm, thì xứ Bắc-kỳ lại có các đảng giặc tàn : giặc Cờ Vàng, giặc Cờ Đen. Quân triều phải đi tiễu-trừ các đảng giặc này, mỗi khi thua lùi, đều đóng tại thành Bắc-ninh.

Vì vậy, Bắc-ninh thường biến thành nơi chiến địa ! Trận nguy hiểm nhất gây nên bởi bọn giặc Ngô Côn.

Theo như thiếu tá Cau nói trong quyển *Địa chí Cao-bằng* thì đám giặc kéo đến từ Quế-sơn-châu, với một vạn quân. Trong đám quân ấy có cả Lương tam-Kỳ, người sẽ xưng bá ở Chợ Chu và Lưu-vĩnh-Phúc, tướng giặc Cờ-Đen sau này, Lưu-Vĩnh-Phúc lúc ấy lĩnh chức tiên phong đội-trưởng.

Năm 1868, quân giặc vây thành Cao-bằng, và đánh bại quan-quân. Triều đình phải phái quan Bình-khấu tướng-quân Đoàn-Thọ đi tiễu. Quân triều chia làm ba đạo : Đạo Lạng-Bình (Cao-bằng, Lạng-sơn) tiễu giặc, còn hai đạo Thái-nguyên và Tuyên quang thì giữ việc tuần phòng.

Kịp đến năm 1869, hai đạo quân Bắc-ninh và Thái-nguyên hợp nhất, rồi đến năm 1870, gồm cả đạo Lạng-sơn đặt dưới quyền quan Đoàn-Thọ.

Mặc dầu hai đạo quan quân đã hợp làm một, giặc Ngô-Côn cũng kéo đến vây được thành Bắc-ninh.

Thiếu-tá Cau thuật rằng quân Ngô-Côn bị quan quân đánh lui ở Bắc-ninh, và chính Ngô-Côn thì bị thương ở trận ấy. Khi thua, quân giặc chia làm hai bộ, một bộ chạy về mạn Đông-khê và một bộ chạy về Thái-nguyên. Ngô Côn lui về đến Thái-nguyên thì chết.

Trái với những điều nói trên ông G. Destenay lại nói ở trong quyển *Thái-nguyên địa chí* rằng giặc Ngô-Côn qua Thái-nguyên, qua châu Đại-từ và các nơi Phổ yên, Phú-bình, tiến đến lấy được thành Bắc-ninh.

Nguyên đảng giặc Thái-bình bên Tàu bị nhà Thanh đánh đuổi khỏi địa phận các tỉnh Vân-nam và Quảng-tây, còn dư đảng lại tràn sang Nam-việt tung hoành quấy rối ! Triều đình Huế bấy giờ nhờ quân Trung-hoa dưới quyền chỉ-huy của Đề-đốc Phùng tử-Tài tiễu-trừ hộ. Sau nhiều trận đánh nhau, giặc Ngô-Côn bị tan vỡ và Ngô Côn bị chết năm 1870.

Hai thuyết trên đều có thể tin được cả, nhưng theo như các giấy má lưu trữ tại tòa sứ Bắc-giang (3) thì lại khác :

Năm 1864, niên hiệu Tự-đức thứ 13, giặc Thái bình chạy sang ẩn nấp ở dãy núi Cai kinh, dưới quyền chỉ huy của Ngô Côn. Bọn này quấy nhiễu khắp vùng Yên thế.

Ông Ích Khiêm bấy giờ đương trọng nhậm ở Hải dương, được cử đi tiễu giặc với chức Tiễu phủ Sứ. Ông đắp các đồn khắp vùng Yên thế ở Quỳnh động, Bái bông, Hương vi và Mộ trạng.

Sau nhiều trận ở Đèo Cả, Bố hạ và Hữu lũng, giặc chạy về phía Bắc ninh và định chiếm cứ thành này, nhưng bị quân của Ông Ích Khiêm đón đánh. Thế là giặc tan và Ngô Côn bị chết ở đám loạn quân.

Truyện giặc Ngô Côn cũng như nhiều truyện khác trong lịch sử ta, còn rất nhiều chỗ mập mờ, vậy mong các bậc học giả để tâm mà khảo cứu cho rõ rệt kẻo còn những điều lầm lẫn trong sử ký.

TOAN ÁNH

---

1) Về giặc Nguyễn-đình-Cúc, xin coi ở truyện « Vợ Tuần Thiện » trong cuốn « Nam quốc nữ lưu » của ông Sở-Cuồng, trang 43-44.

2) Xin xem bài « Cai Vàng là người thế nào ? » của ông Tiên-Đàm trong Tri-Tân số 25, trang 8.

3) Tờ trình của quan Công - sứ Quennec.

CÁC SÁCH NÊN ĐỌC

Tiếng Việt - Nam có mẹo mực, rất tinh tường, ai muốn biết rõ, thì xem sách : VIỆT-NAM VĂN - PHẠM của ông Trần-trọng-Kim (1).

Muốn biết rõ cách thờ cúng chư Phật và chư Bồ-tát, cùng cách bày đặt các tượng ở các chùa xứ Bắc - kỳ, nên đọc quyển PHẬT - LỤC của ông Trần-trọng-Kim. Giá 0p 80.

de Hanoi à la Courtine
(Septembre 1939 — Jain 1940)
của Phạm-duy-Khiêm Giá 1p.50
Bán ở nhà in « Du Nord » 133 phố Hàng-bông Hanoi và các nhà bán sách.

1) Bản dịch ra chữ Pháp 3p.50 — Bản quốc âm 2p.50.

PHÊ BÌNH

NGƯỜI BẠN GÁI

(Tiểu-thuyết của Thiếu-Sơn)

LÊ-THANH

TÔI nhớ cách đây bốn năm, nhân ông Thiếu-Sơn ra Bắc chơi, ông Thái-Phỉ có cho chúng tôi gặp ở một khách-sạn, bữa cơm thân mật có ba người.

Trong khi đàm luận, phần nhiều về những câu truyện phê bình, tôi tỏ ý nhận thấy nhiều tình cảm ở lời văn cũng như ở lời nói của ông. Nếu ông đem những tình cảm ấy làm tài liệu xây một tiểu thuyết, chắc ông không bị thất bại.

Vừa rồi ông cho xuất bản quyển *Người bạn gái* (1), tiểu thuyết mà tôi chờ đợi. Và tôi đã không lầm trong sự phán-đoán.

Người bạn gái là một truyện tình cảm của một người từ trước đến nay chỉ quen trình bầy trên giấy những cái gì thuộc về lý trí và tư-tưởng.

Vì vậy, ta đừng chờ ở tác giả, một cốt truyện ly kỳ, một cốt truyện «tiểu thuyết», theo nghĩa người ta thường hiểu. Đây chỉ là sự giao thiệp thanh tao của Hoài nam, một văn sĩ trẻ, với «Lệ Châu, một người con gái có nhan sắc, có học thức rất tự nhiên trong đường giao thiệp»; Hoài Nam kém Lệ Châu bốn tuổi.

Lệ Châu cho Hoài Nam mượn một bản dịch đại học, một dịp để Hoài-nam viết cho Lệ-Châu một bức thư:

« Cô đối với tôi mới buổi sơ-giao mà đã có lòng thành thực âu yếm như một người nhà, quí mến như một người bạn. Cái thịnh tình hậu ý đó, tôi thật lấy làm cảm kích, và không thể nào dám đem một tấm lòng lạnh nhạt sẵn có, đối với đời, mà đối với cô được. Sau khi đã đọc hết quyển Đại học, tôi chẳng quản tài hèn trí mọn, viết bài tiểu luận này, để cô dùng xem, chỉ là muốn đáp lại trong muôn một cái hậu tình của cô» (trang 11).

Một bức thư cảm ơn có cái công dụng một bức thư tình đầu tiên của một người đa cảm.

Rồi hết bức thư ấy đến bức thư khác, hết cuộc đàm-luận ấy đến cuộc đàm-luận khác, đối tượng không ngoài văn-chương và tư-tưởng.

Thỉnh-thoảng một cuộc biệt-ly nho-nhỏ, những nhúm ngày phải xa bạn để dưỡng bệnh.

Họ tặng nhau những gì, không phải những mớ tóc, những tấm khăn, các thứ đắt tiền như ta thường thấy trong nhiều tiểu-thuyết, họ tặng nhau mấy bài danh văn của Thánh-Thán:

« Một bài khóc người đời xưa.

« Một bài tặng người đời sau.

« Một bài phép đọc Tây-sương-ký.

« Cổ nhân có câu: « Làm một người văn-sĩ mà trên án sách không có quyển Tây-sương-ký thì chưa khỏi vòng trần tục.

« Tôi không muốn quý hữu (Hoài-Nam) khỏi hẳn vòng trần tục, nhưng thực vì quý hữu, không muốn để quý hữu còn có bợn chút đỉnh bụi trần. Dầu bạn chưa có quyển Tây-sương-ký, nhưng biết phép đọc Tây-sương-ký, của ông Thán-thán, thì cũng hầu như có quyển Thánh-thán Tây-sương-ký rồi vậy.

Quý hữu ơi! Bọn ta cơ lữ trên đường hán học, biết có ngày theo được cái bụi sau xe của các bậc tiên-nho, để buổi xuân sớm, lúc thu khuya, cầm quyển Tây-sương-ký, ngâm đọc cho thật giải trần thoát tục được chăng. —

Lệ Châu bái bút »

Hoài-Nam phải đi xa, sau bao nhiêu năm long-đong trên con đường công-danh. Hoài-Nam nhận được bức thư của chị Lê-Châu nói Lê Châu đã lấy chồng. Hoài-Nam dự-định cùng một nữ-sĩ khác lập một gia-đình nho nhỏ.

Hai chị em Lệ-Châu vào Sàigon để mừng Hoài Nam và để cho Hoài nam biết rằng Lệ Châu vẫn chưa có chồng. Lệ châu đã quyết-định theo một con đường nhưng « không thể dắt Hoài-Nam đi theo con đường đó... phải chờ Hoài-Nam công thành danh toại rồi mới dám theo chí hướng của mình ».

Và « tôi không có gì mừng hai bạn, Lệ Châu nói, hơn là quyển Phật-giáo đại-quan mà tôi mua đã từ ba năm nay chỉ chờ có ngày nay tặng bạn ».

Cốt truyện chỉ có thế.

Đọc, ta có cảm-tưởng giao-du trong một cảnh êm-lặng nhưng nên thơ giữa một mùa thu, lạc vào một thế-giới hoàn-toàn lý-tưởng.

◆

Tôi đã được nghe người ta nói nhiều về quyển « Người bạn gái ».

Người ta bảo viết tiểu thuyết bằng lời văn nhật-ký là một lối dễ-dãi, một sự lười-biếng; một nhà văn trong nghệ-thuật không bao giờ nên dùng cái thể văn ấy để viết tiểu-thuyết. Có lẽ người ta có lý.

Song cái lý ấy không phải là cái lý tuyệt-đối. Ông Thiếu-Sơn đã được lợi những gì khi ông viết tiểu-thuyết của ông bằng thể văn nhật-ký?

Trên kia tôi đã nói, ông là một nhà phê-bình sống với tư-tưởng nhiều hơn là sống với tình-cảm. Ông viết nhật-ký để ông có dịp xen rất nhiều tư-tưởng vào bên tình-cảm của ông. Ta hãy đọc:

« Ông này, (Auguste Comte) chẳng những là một nhà triết-học, mà còn là một nhà triết-học thực nghiệm nữa kia. Ông khảo về khoa học một cách kỹ lưỡng, rắp tâm dùng khoa học làm căn bản cho văn minh, và được nhiều nhà triết-học đại gia, như Littré ở Pháp, Stuard Mill ở Anh khâm phục và coi như một vị tôn sư. Nhưng tính cờ...» (trang 44).

Còn ai bảo là một đoạn trích trong một tiểu-thuyết; ở bất cứ

xem tiếp trang 16

(1) Cộng-Lực xuất bản.

TIẾT NĂM

THIỀN - LÃO

ÔNG là một vị thiền - sư ở chùa Trừng minh trên ngọn núi Thiên-phúc, huyện Tiên-du. Người

QUỐC - HỌC THƯ - XÃ

Đã phát hành

THI-NGHỆ

(Lược-thuật về THƠ và nghệ-thuật làm THƠ).

Một cuốn sách mà tất cả các bạn làng thơ, các bạn yêu thơ, các bạn sắp bước vào làng thơ, các nhà khảo-cứu văn-thơ,... đều-p hải đọc để hiểu rõ thơ và thưởng thức được hết cái hay, cái đẹp của thơ... Giá 0p 48

Sách TẾT của Quốc-Học Thư-Xã

TRĂM-HOA

Một cuốn sách xem TẾT, *khác hẳn các sach, báo* TẾT *từ trước tới nay từ cách biên-tập tới cách trình-bầy, sẽ đem lại cho bạn đọc tất cả thi-vị êm-đềm của ngày* TẾT *và của mùa* XUÂN.

Có ăn TẾT *với* «TRĂM HOA» *mới hưởng được hết các thi-vị của ngày* TẾT. *Gia-đình nào cũng phải có* «TRĂM HOA» *trong ngày* TẾT (*Thượng tuần tháng chạp sẽ có bán, các hiệu sách nên viết thư đặt trước tự giờ*).

ĐƯƠNG IN

TĂM NGUYÊN

TỪ - ĐIỂN

Giấy thường	*2 p. 80*
Giấy bouffant	*3 80*
Giấy bouffant bìa vải chữ vàng	*5 00*

(*Loại sách giấy bouffant dành cho các bạn đặt tiền mua trước tự giờ, các hiệu sách không bán*). Mua sách, đặt sách, viết cho

M. LÊ VĂN-HÒE

Giám-đốc QUỐC-HỌC THƯ - XÃ

16 bis Rue Tiên Tsin Hanoi

ta không rõ tên, họ là gì, nên chỉ kêu là Thiền-lão thiền-sư.

Ban đầu, tham đạo nơi sư Đa-Bảo chùa Kiến-sơ, ông lĩnh ngộ được những điều tâm yếu. Rồi, ông cắm gậy tích tu ở chùa Từ - sơn, gây ở đương-thời một phong-trào thiền-học : có hàng vài nghìn đệ - tử đến thụ giáo, làm cho cảnh chùa đó nổi tiếng là một nơi tốt-tươi, rực rỡ trong Tùng - lâm.

Khoảng năm Thông - thụy (1034 - 1038), chính vua Lý Thái - Tông thường đến chơi chùa đó và nhờ ông, ngài ngộ được yếu-chỉ đạo Phật.

Ông có những câu khoáng-đạt và thanh-cao như :

Chỉ biết ngày tháng rày,
Nào hay xuân thu cũ, (*Dịch*)

và :

Tre biếc, cúc vàng, quên ngoại cảnh;
Trăng trong, mây trắng lộ toàn chân. (*Dịch*)

Mấy câu đó mộc - mạc mà thâm-trầm, bóng-bẩy mà thanh thoát, tả rõ được tâm-tính con người tự - tại tiêu - dao. Tiếc rằng ngoài mấy vần ấy ta không được thấy thêm gì nữa !

Khi vua Lý Thái - Tông sắp sai sứ-giả đến chùa đón ông vào cung để làm cố - vấn thì ông đã tịch từ trước rồi. Vua thương tiếc lắm, có làm bài thơ để viếng ông.

TIẾT SÁU

CỬU CHỈ

Họ Đàm, người làng Phù-đàm, huyện Chu-minh, từ bé đã có tính ham học. Vì vậy các sách nho, thích, ông thông suốt cả.

Một bữa, sau một cơn tinh-thần khủng-hoảng, ông thấy

THỬ VIẾT

VIỆT-NAM VĂN-HỌC SỬ

HOA-BẰNG

mình cần phải xoay theo Phật học thì mới tìm được phương-pháp giải-thoát. Vì ông tin rằng đạo Phật là một con đường dẫn người ta đến bục xóa hết có, không, rũ sạch sinh, tử nếu mình biết trì giới, tinh tiến, dốc chí tu hành.

Nghĩ vậy, ông bèn đến tham đạo nơi Đinh hương trưởng lão ở chùa Cảm ứng núi Ba sơn. Nhân khi vấn đáp, ông hiểu được cái ý chỉ cứu cánh của nhà Thiền. Ông đặt hiệu là Cửu-Chỉ.

Trong vòng sáu năm, tu trì khổ hạnh ở chùa Quang minh núi Tiên du, ông không hề bước xuống khỏi núi.

Cái tiếng diễn hóa ngày một lẫy lừng thấu đến tai vua Lý Thái-Tông, song ông không chịu dời bỏ chim hoa trên núi, mặc dầu nhà vua vời đến ba lần.

Vì hâm mộ ông, vua Lý Thánh tông đến chơi tận chùa vài ba lượt để thăm hỏi và yên ủi nhà cao sĩ đó.

Trước cái thái độ cao khiết ấy của ông, Lương Văn Nhậm, thái sư đời Lý, rất kính trọng.

Khoảng năm Long thụy thái-bình (1054-1058) đời vua Lý Thánh tông, ông bất đắc dĩ phải hạ sơn, xuống trụ trì ngôi chùa Dương Đạo Gia.

Về mặt triết học, ông theo chủ nghĩa duy tâm của nhà Phật. Ông cho rằng cái tính, cái tâm là gốc của hết thảy pháp-môn và pháp tính. Khi đã biết rõ tâm và pháp là một rồi, thì mới rũ được hết sạch những nỗi phiền não, bối-rối, vương-víu... Sở dĩ biết và thấy được hết đạo-pháp là vì lấy nhân-duyên làm gốc, chân-chính làm tôn-chỉ...

Lối năm Chương-thánh gia-khánh (1059-1065), trước khi từ trần, ông có bài này :

Biết rõ thân tâm vốn ngưng tịch,
Thần-thông biến-hóa hiện mọi tướng :
Hữu vi, vô vi từ đấy ra,
Biết bao thế-giới thật khôn lượng !
Dầu vậy, đầy-dẫy cõi hư-không,
Xét ra nào có chi hình-trạng ?
Nỗi ấy nghìn xưa vẫn khó thay !
Chốn chốn, nơi nơi thường tỏ sáng... (Dịch)

TIẾT BẢY

LÝ-THÁI-TÔN (*999-1054*)

Đã được hưởng phần hương-hỏa tinh-thần của vua Lý-Thái - Tổ, lại sinh vào đời thịnh-vượng trị bình, vua Lý-Thái-Tông là người thông-minh, anh võ, có tính trầm-tĩnh, biết liệu sự-cơ.

Từ bé được vua cha gieo cho cái tư-tưởng « thân dân », ngài phải ra ở riêng một cái nhà, tên gọi Long-đức cung, làm tại phía ngoài đô-thành để sớm hôm được mục-kích cuộc sinh-hoạt vất-vả, nhọc-nhằn của quần-chúng. Với đám bình-dân, ngài đã sống chung trong một bầu không-khí quê-mùa, thế nào tư-tưởng ngài cũng bị kích-thích và thay đổi theo hoàn-cảnh.

Quả nhiên, khi lên nối ngôi, vua Lý Thái-Tông rất sốt-sắng với công việc lao-động : Chính ngài cày ruộng tịch-điền để khuyến-khích nghề nông ; mặc đồ hàng tấm do cung-nhân dệt để chấn-hưng nội-hóa ; cũng chính ngài chế ra xe thái-bình để mở-mang kỹ-nghệ nước nhà.

(*Còn nữa*)

Để giúp những đệ-tử « Khỏe » lỡ khi gặp nạn rủi - ro...

Từ lâu nay, Tổng-cuộc đang theo chương trình cải tạo nền vận-động toàn quốc của Chính-phủ, nên những cuộc tổ chức về vận động gần đây đều có thể gọi là hoàn toàn được. Tổng cuộc đã tránh được những lầm lỗi đáng tiếc như xưa. Và bởi thế, nên ngày 27 Décembre 1941 mới có cuộc đua xe đạp vĩ đại chưa từng thấy trên trang lịch - sử thể thao Đông - dương. Một cuộc đua trên đường dài gần hai ngàn cây số, chia làm 12 chặng, nối liền Bắc, Trung, Nam phải qua bao chỗ vất vả hiểm nghèo.

Muốn giật những giải thưởng khuyến khích khá to và mong thấy tên mình trên bảng danh-dự, ngót 100 cua-rơ của năm xứ đã lên đường để hưởng ứng với công cuộc « chấn hưng lại nền thể-thao toàn quốc ».

Họ đã ra công luyện tập để cố nâng cao nền vận-động xứ này ?

Phần đông trong bọn anh em cua rơ Việt-nam đều « nghèo » ca, nên rất đáng lo cho công cuộc mình phải dở dang nếu một khi xe bị nổ lốp hay hư hỏng giữa đường mà không đủ tiền mua những đồ phụ-tùng quá đắt.

Dù các giải thưởng có hậu chăng nữa, nhưng nhẽ đâu cua rơ nào cũng về nhất cả mà lĩnh một món tiền có thể gọi là khá được ? Cho nên các cua rơ cũng như chúng tôi đều mong mỏi Tổng-cuộc bù đỡ cho những sự thiệt hại trong khi dự thi.

Dù là một kỳ thi có tính-cách ích-lợi chung đi nữa, thiết tưởng cũng không nên để cho anh em thể thao nghèo phải chịu thiệt thòi.

Tổng cuộc nên nghĩ tới mà thi hành theo câu châm ngôn : « có thực mới vực được đạo ».

Còn một việc sau này cũng nên làm, ấy là việc bảo hiểm tính mệnh cùng tai nạn cho các cua rơ. Một con đường dài tới gần hai ngàn cây số thế nào chả có sự bất trắc xảy ra. Nếu, họ gặp rủi ro mà có bảo hiểm thì lúc đó, Tổng-cuộc đã có sẵn món tiền đền của sở bảo hiểm cấp cho nạn nhân để đỡ cho qua những phút khó khăn và giúp cho gia đình họ khỏi phải thêm thiếu thốn trong những ngày mây tối vần che !

Không những thế, chúng tôi còn ước ao các Tổng-cuộc các nơi, ngoài việc lập các ban chăm lo tổ chức các cuộc vui về thể thao, lại cần nên lập ngay một ban « Bảo-trợ « để giúp những « người » bị nạn trong khi họ xả thân trên các vận động trường để quyết chí bênh vực cho sắc cờ màu áo xứ họ.

Đã lâu, từ khi các môn vận động Âu-tây « nhập cảng » vào đây tới giờ, vẫn chưa có một ai chịu để ý luôn luôn săn sóc một cách mật thiết cho những đệ-tử thần « khỏe » nghèo lâm nạn !

Bây giờ thể thao và thể dục may mắn được coi là việc có quan hệ đến công cuộc cải tạo nòi giống, lại được Chính-phủ săn sóc và nâng đỡ, thiết tưởng những nhà cầm đầu các phòng thể-thao các nơi cũng nên làm ngay việc này cho hợp lẽ phải, khiến các nhân tài về mặt thể dục khỏi vì thiếu thốn về vật chất mà phải từ giã các nơi vận động, và các nhóm tổ chức khỏi mang tiếng là cứ đến lúc cần tổ chức một cuộc hội họp về thể-thao mới « ra vẻ » để ý săn-sóc qua loa các đấu thủ cho xong việc, rồi sau lại thôi.

Hoa-Nam PHAN KỲ-NÔNG

TÙY HỨNG

Dịch thơ Tàu

Vịnh kiến cắn nhau

(Nguyên văn chữ hán của Trần-Mật-sơn tiên sinh chép trong Tùy viên thi thoại quyển 6)

Thoái thực triền lương nghiện,
Tiểu-đao bộ thậm viện :
Thụ căn kiến quần nghĩ
Phân phân phương giao chiến
Hô đồng tiền bố tịch,
Phất dĩ qui bồ-phiến,
Khoảnh-khắc duyên thảo côn,
Cầu huyệt các bôn-soán.
Y hữu ký-sự-thần,
Tái bút ứng thượng-điện.
Đại thư mỗ nguyệt nhật,
Lưỡng quân chính tương kiến,
Hốt nhiên phong dương sa,
Sư hội, hỗ đạp tiễn,
Thu đội các y lũy,
Súc nhuệ các tứ tiện.
Nhãn sinh diệc lóa trùng,
Nhiễu nhiễu dinh xích huyện,
Thị dục các hữu cầu,
Tình ngụy đệ tương phiến.
Thôn phệ xuân nhiên động,
Cát hung kiến thường biến.
Khởi vô phi-tiên-nhân,
Thừa loan chú hà miến ?

Dịch :

Cơm bữa vừa xong, dậy vội-vàng;
Lần theo thềm-viện bước xênh-xang,
Bên cây bỗng thấy hai đàn kiến,
Chia phái tranh đua tựa chiến-trường,
Bảo con giải chiếu ngồi xem chơi,
Liền đem chiếc quạt quạt tơi bời :
Cả bầy thấy gió đùa nhau chạy,
Tìm huyệt, trèo cây, trốn khắp nơi.
Kiến này chắc cũng có sử-thần,
Đem việc biên chép trình quốc quân.
chép rằng : « Năm nọ ngày tháng nọ,
« Hai nước chiến-đấu sức còn cân ;
« Cát bay bỗng gặp trận cuồng-phong
« Tán loạn đua nhau chạy tứ tung
« Tạm hãy rút lui về đội ngũ,
« Thừa cơ sẽ có buổi giao-phong ».
Gẫm vật, nhân suy đến giống người :
Đàn đàn lũ lũ ở đầy nơi ;
Vì lòng ưa muốn, sinh tranh cạnh.
Xảo-trá lừa nhau mãi suốt đời...
Giành cướp nào ai chịu kém ai,
Hơn thua thành bại chỉ trò chơi !
Người tiên cười hạc xa trông xuống :
Ngán nỗi ganh-đua, phải bật cười...

LỊCH-VIÊN

Dịch thơ Tây

La dernière feuille

Dans la forêt chauve et rouillée
Il ne reste plus au rameau
Qu'une pauvre feuille oubliée,
Rien qu'une feuille et qu'un oiseau

●

Il ne reste plus dans mon âme
Qu'un seul amour pour y chanter,
Mais le vent d automne qui brame
Ne permet pas de l'écouter.

●

L'oiseau s'en va, la feuille tombe.
L'amour s'éteint car c'est l'hiver.,
Petit oiseau, viens sur ma tombe
Chanter quand l'arbre sera vert.

T. Gautier

Chiếc lá cuối cùng

Rừng trơ-trụi và nhuộm màu han-rỉ,
Trên cành con sót lại một lá thôi,
Lá đáng thương chưa rụng nốt cho rồi,
Ở quên lại cùng con chim bé tí.

●

Trong hồn ta cũng chỉ còn nán đậu
Một tình yêu lên tiếng hát ca vang
Nhưng gió thu gầm thét, gió thu sang
Làm ái điệu tình ca, người chẳng thấu.

●

Chim bay đi, chiếc lá cũng lìa rơi,
Tình chết hẳn bởi đông về trên đó,
Khá đến đậu mồ ta, này chim nhỏ,
Mà hát ca khi cây cối lại xanh tươi.

ANH-HẬN

Văn hành công khí

Đâu phải là sự mới phát-kiến của vài ông ấy !

TRONG một tờ báo « văn-chương » gần đây có bài phê bình quyển *Thi văn bình chú* của ông Ngô Tất-Tố do nhà in Tân-Dân xuất bản. Trong bài, bình-giả, ông Thượng-Sĩ, khen ông Tố đã có công đối với văn-học ở sự tìm tòi ra được vài điều mới mẻ : một là bài thơ « Bán than », từ trước đến nay người ta vẫn bảo là của ông Trần Khánh-Giư đời Trần, nhưng nay ông Tố đã tra cứu trong sách « Tang thương ngẫu lục » để chứng thực rằng đó là bài thơ của một ông trong đám di-thần đời Lê. Một là bà công-chúa Ngọc-Hân, trước nay người ta vẫn cho là sau khi triều Tây-sơn mất, bà lại về làm cung-phi vua Gia-long, nhưng nay ông Tố tra cứu ra thì bà Ngọc-Hân không hề biết mặt ông vua sáng nghiệp của triều Nguyễn.

Tôi cũng nhận rằng « Thi-văn bình-chú » là một quyển đáng có ở trong các tủ sách. Song cái giá-trị của nó, thiết tưởng không phải ở hai điều trên ấy, mà chỉ ở chỗ biên giả đã chịu khó chú giải các bài danh-thi danh-văn của người trước một cách kỹ lưỡng, giúp ích cho người xem được nhiều. Giá trị của nó chỉ ở chỗ ấy thôi, chứ như vài điều trên đây, tuyệt nhiên không đem đến thêm cho quyển sách ấy chút giá trị nào vì đó không phải là sự mới tìm tòi ra của biên-giả.

Về bài thơ « *Bán than* », từ năm 1939, tôi đã thấy trên tờ « Nước nam, » ông bạn Hoa-Bằng, cũng căn cứ ở sách « Tang-thương ngẫu lục», hợp thêm với ý-tưởng của mình, phê-phán bài ấy là thi-phẩm của cuối đời Lê chứ không phải của Trần Khánh Giư đời Trần, vì Trần-Khánh-Giư sinh vào khi văn quốc ngữ mới phôi thai, không thể có được bài thơ nhẹ nhàng đẹp đẽ thế (1). Bài này của ông Hoa-Bằng đăng ở « Nước nam », mà « Tao-đàn tạp chí » số 9 và 10 ra ngày 16-7-1939 đã có trích-lục.

Đến như chuyện bà Ngọc-Hân công-chúa, trừ ra một số rất ít người không xét kỹ, thực thì cũng chẳng mấy ai tin là bà lại lấy vua Gia-long. Nhưng dù có người tin như vậy, thì sự tìm tòi ra chứng cớ để mà bác lại, tôi tưởng đó phải là công của ông Sở-Bảo ở báo Trung-Bắc chủ-nhật. Vì ở Trung-bắc chủ-nhật số 53, ông Sở-Bảo đã kể chuyện ông có về làng Phù-Ninh ở Bắc-ninh là quê bà Chiêu-nghi hoàng-hậu, sinh mẫu bà công chúa Ngọc-Hân, hỏi các cố-lão thì người ta thuật lại cho nghe về chung-cục của bà công-chúa ấy. Chung cục của bà là sau khi triều đổ, nhà tan, bà cùng hai con đổi họ thay tên đi trốn nạn, về sau tiết lộ thì ba mẹ con đều bị giết cả. Sau đó đến báo Tri-Tân số 15, xuất bản tháng 9 năm 1941, ông Tam-Gia trong bài « Anh hùng với giai nhân », cũng lại thuật theo lời ông Sở-Bảo về cái chung-cục của bà Ngọc-Hân công-chúa như trên này.

Thế thì hai điều trên đây đều do những người khác đã tìm-tòi ra mà người biên-soạn « Thi văn bình chú » chỉ là thuật theo, vậy mà bình-giả bảo là công « tìm-tòi riêng » của ông Ngô Tất-Tố, thật là quá vội-vàng mà không xét kỹ.

◆

Lại ở T.T.T.B, số 391 ra ngày 13-12-1941 mới rồi, có bài « *Mạc Đĩnh Chi sống hơn 200 tuổi* » của ông Vân-Anh. Trong bài này, tác giả cộng kích ông Phan Kế-Bính viết quyển « Nam hải dị nhân » đã đem những câu đối vu vơ mà gán cho ông Mạc Đĩnh Chi. Tác giả chỉ ra câu đối có những chữ « Thiên sinh Gia-tĩnh hoàng-đế » để làm cái chứng cớ gán gắp vu vơ. Vì nếu quả câu đối ấy của ông Trạng Mạc thì ra ông lại đi sứ vào đời vua Gia-tĩnh nhà Minh. Ông Trạng Mạc sinh ở đời Trần nước ta, đến mãi đời Minh Gia-tĩnh ông hãy còn để mà đi sứ thì ra ông sống lâu đến những hơn 200 tuổi.

Sự bẻ bác này rất đúng, tôi xin công nhận thế. Nhưng có điều rằng trước ông Vân-Anh, đã có người đem câu đối « thiên sinh Gia-tĩnh hoàng-đế » để bẻ bác nhiều rồi. Người ấy là ông bạn Trúc-Khê.

« Văn học tạp chí » số 32 ra ngày 1 tháng 2 năm 1934, trong một bài thảo luận về vấn đề văn học của ông Trúc-Khê, ông có để mấy dòng cước chú, bác câu đối này không phải của cụ Mạc Đĩnh-Chi, vì có 4 chữ « Gia-tĩnh hoàng-đế » làm chứng Rồi đến « Khuyến học tạp chí » số 16, trong bài « Cái tẩy », trỏ những chỗ lầm trong quyển « Nam-hải dị-nhân » của ông Phan Kế-Bính, ông Trúc-Khê cũng có nói đến câu đối này với mấy dòng như sau :

« *Đôi câu đối này, vế dưới có lời chúc tụng vua Gia-tĩnh, đủ chứng rằng đó là do một người nào làm về đời Gia-tĩnh, tức là về đời vua Thế-Tôn nhà Minh Vua Thế-Tôn nhà Minh làm vua từ năm Nhâm-ngọ, lịch tây là 1522, đến năm Bính-dần, lịch tây là 1560, so với sử ta thì ở vào khoảng từ năm Quang-thiện thứ 7 đời vua Lê Chiêu-Tôn, đến năm chính trị thứ 9 đời vua Lê Anh-Tôn. Vậy mà cụ Mạc Đĩnh-Chi thì là người đời Trần, bên Tàu khi ấy đương đời Nguyên, trước đời Gia-tĩnh đến hơn 200 năm, có sao cụ Mạc Đĩnh-Chi lại có câu đối chúc tụng vua Gia-tĩnh ?* »

Lại ở « Phổ-thông bán-nguyệt-san » số ra vào hồi mùa hạ năm 1938, tại mục « Hiệu đính cổ văn », ông Trúc-Khê cũng nhắc về chuyện

1) Mà trước đây, ông Hoa-Bằng cũng đã có nói đến chuyện này trên tờ Tân Văn Tuần Báo (Nam kỳ) số 62, ra ngày 19 Octobre 1935 dưới cái đầu đề : « Bài thơ bán than của ai ? »

câu đối ông Mạch Đĩnh-Chi, có nói rằng ;

Trong những sách « Nam-hải dị nhân » và « Văn đàn bảo-giám » chép về văn chương ông Trạng Mạc Đĩnh-Chi đều có chép một câu đối trong có những chữ Thiên-sinh Gia-tĩnh hoàng-đế. *Tôi đã códịp phán đối hai quyển ấy biên chép một cách mơ hồ, vì đời ông Trạng Mạc đã làm gì có vua Gia-tĩnh ! Vua Gia-tĩnh còn phải sinh sau độ vài trăm năm nữa. Nhưng thực ra, hai quyển sách ấy chỉ có cái lỗi manh tòng, chứ gốc sự sai lầm thì bởi tự « Công dư tiệp ký ».*

Đó, về chuyện câu đối này, ông Trúc-Khê đã có nhiều dịp nói tới như vậy. Ông Vân-Anh bây giờ nói đến, chỉ là nói cái việc người trước đã nói nhiều rồi. Thế mà trong bài ông lại có những câu thế này :

« *Trong việc họ làm « vặt râu ông nọ cắm cằm bà kia » có một chỗ đáng buồn cười, hình như thủa giờ* không ai chịu để ý, vì chưa nghe ai nói đến. *Chỗ buồn cười nằm ở trong câu đối dài mấy thước này...* »

Người ta không thể không bật cười về mấy câu nói này của ông Vân-Anh.

ĐỖ-GIANG

Số xuân TRI-TÂN

(Nhâm-ngọ, 1942)

Họa-sĩ Trịnh-Vân sẽ trình bày một bức tranh mỹ-thuật dưới ngòi bút đầy màu sắc và tài ba.

Mạnh-Phan và Khái-Sinh sẽ hiến các bạn thân yêu những thiên truyện ngắn rất lý thú.

Mai-văn-Bộ và Lưu-hữu-Phước sẽ tặng những bạn ưa âm-nhạc một bản đàn tây phổ theo lời thơ của một danh-sĩ.

Lê-Thanh sẽ có một món quà «văn học » rất đáng chú ý.

Hoa-Bằng sẽ có một tặng-phẩm bằng « lịch-sử » rất khó tìm và hiếm thấy.

Các bạn độc giả, quí mến lại sẽ không thể bỏ qua được những bài rất công phu của Nhật-Nham, Tiên-Đàm, Vân-Thạch, Trúc-Khê, Chu-Thiên, Minh-Tuyền, Nhân-Nghĩa v.v.

Người bạn gái

Tiếp theo trang 11

một tiểu-thuyết nào có lẽ những đoạn văn ấy đã giết chết ba phần tư tiểu - thuyết rồi ; nhưng đây không những nó vô hại mà còn gây cho tiểu-thuyết một màu sắc đặc biết, một tình yêu, đáng lẽ đáng khinh thường đã trở nên thanh tao như chính văn chương và tư tưởng.

Người ta bảo văn của ông Thiếu Sơn cổ quá :

« *Người ta lấy phú quí, vinh hoa, lầu son gác tía làm lãi, vợ đẹp con khôn, danh cao bổng hậu làm lãi. Mà ta thì, nỗi nhà tan tác, nỗi mình lênh đênh, muốn đem một tấm lòng đền bồi non nước chưa chắc sẽ được gì. Bóng dâu sắp xế, còn thơ thẩn ở chốn giang hồ, ngắm nước triều lên xuống, nghĩ đến câu : « trai trẻ bao lâu mà đầu bạc, trăm năm thân thế bóng tà dương », mà tấm can trường càng như nung nấu !*

« *Qui hữu ơi ! Người ta nói mùng tuổi...* » (trang 106).

Trách như vậy là không nhận được dụng ý của tác giả. Ông Thiếu Sơn, người đã viết được lối văn vừa mới mẻ vừa nhẹ nhàng trong « *Phê bình và cảo luận* », làm sao ông lại không viết được như vậy trong *Người bạn gái* ? Chỉ vì ông muốn giữ cho văn ông cái đặc sắc của mối tình ông tả. Đây là một mối tình mười lăm năm về trước 1925-1930. Những vai chủ động là những người bạn trung thành của Mộng-Hà, Lê-Ánh, Đạm-Thủy, Tố-Tâm... Lời nói và hành động của họ nhất nhất phải hợp với thời đại ấy.

◆

Giữa lúc mà qua hàng sách, ta thấy nhan nhản những tiểu thuyết son trẻ, đọc không mấy trang là không thấy những tiếng đáng lẽ người ta chỉ có quyền nói ra bằng một giọng thầm kín, ta có một quyển tiểu-thuyết với một cốt truyện đứng đắn kể bằng một giọng trang nghiêm như quyển « Người bạn gái » để đọc, tôi tưởng là một việc không dễ vậy.

LÊ-THANH

Thống chế Pétain đã nói :

« Hỡi dân Đại-pháp và Đông-« dương, anh em hãy nhớ rằng « chúng ta đã chia sẻ gánh nặng « với nhau từ bao lâu rồi.

« Trên khắp giải đất Đông-« dương, đâu đâu cũng thấy ghi « dấu một sự hợp tác giầu về nỗ-« lực, đầy kết quả hay.

« Giữa buổi gian truân này, « sự đoàn-kết bất diệt và hữu-« ái là cái lẽ tối cao để hy-vọng « vào nước Pháp vĩnh-viễn ».

Tin vắn hằng tuần

QUỐC-TẾ

Tổng tư lệnh quân Phi-luật-tân thu hẹp các phòng tuyến ở phía bắc Manille. Quân Nhật đã chiếm khu đường xe lửa phía nam tiến lên kinh thành Manille. Nhật không nhận Manille là kinh thành bỏ ngỏ.

Thành-phố Ipoh sản nhiều thiếc nhất đã bị mất về Nhật.

Anh - Mỹ lo giữ chung quân-cảng Tân-gia-ba.

Các đại-sứ Nhật ở Mỹ sắp trở về nước.

Uông tinh-Vệ khuyên Tưởng giới-Thạch nên bãi chiến.

Nhật sẽ vây Tân-gia-ba và sắp đánh Nam-dương quần-đảo.

Manille thất-thủ đến nơi, quân Nhật còn cách 20 hải-lý. Có lẽ Mỹ sẽ hạ khí-giới để kinh-thành Phi-luật-tân khỏi tàn phá. Đường thông-điện với Hoa-kỳ bị đứt. Chiến-thuyền Nhật đánh vào đảo Celèbes và Menado ở Nam-dương.

Tại Mã-lai co kịch chiến ở phía nam Ipoh. Tân-gia-ba bị ném bom. Quân Nhật chiếm Kuantan ở bờ bể phía đông. Nhiều cù-lao của Anh-Mỹ ở Thái-bình-dương bị đánh.

Hội-nghị Hoa-thịnh-đốn định Mỹ thống-xuất trận Thái-bình-dương.

Úc sắp lập nội-các quốc-gia. Hội-nghị liên-bang Mỹ-châu sắp họp. Ông Lindbergh tình-nguyện giúp nước.

Hương-cảng lại hoạt-động như cũ.

Thuộc-quốc Anh ở Úc-châu

NHẬT-NHAM

NĂM 1788, người Anh di-cư đến miền duyên-hải phía đông hải-đảo Úc-châu, rồi đặt trên vịnh Botany Bay-vịnh của nhà Hoa-thảo-học — tỉnh-thành Sydney để phát-lưu các tội-nhân khổ-sai. Sau thấy địa-thế rất thuận-lợi cho việc chăn nuôi, nhiều thực dân kế-tiếp nhau đến miền Kiều-cư tại miền nam mỗi ngày một đông, tổ-chức thành một thuộc-địa đầu tiên, lấy tên là xứ Nouvelle Galles miền nam.

Lần-lượt từ 1829 đến 1859, quanh đảo Úc-châu, bốn thuộc-địa khác thành-lập, mỗi thuộc-địa có một Chính-phủ riêng.

Công-cuộc di-dân rất trì-chậm cho mãi tới ngày phát-kiến được mỏ vàng tại thuộc-địa Victoria (1851) : chỉ trong vòng bốn năm đã có tới 5 triệu dân di-cư tới đó.

Rồi chẳng bao lâu, tại Úc-châu, có hơn hai mươi triệu người Âu khai-khẩu các mỏ vàng, mỏ đồng, mỏ than đá, và chăn nuôi súc vật.

Úc-châu là một cao-nguyên hoang-vu ở giữa, phía đông có núi cao từ 1800 đến 2000 thước tây gọi là Alpes của châu Úc. Một con sông to, sông Murray, phát-nguyên từ dãy núi này, chia làm nhiều chi-lưu chảy qua các khu-vực phì-nhiêu.

Trên một khoảng đất rộng 793 vạn cây số vuông, có 5.437.000 dân bản-xứ sinh-nhai về canh nông, súc-mục, săn-bắn, chài-lưới, v. v.

Úc-châu chia làm Tây-Úc, Nam-Úc, Bắc-Úc và các tỉnh Vitoria, Queensland, Nouvelles Galles miền nam. Năm 1901, các xứ ấy hợp thành một liên-bang tự-trị dưới quyền kiểm-xoát của nước Anh. Kinh-đô của liên-bang là Canberra, và trong số các thị-trấn to như Melbourne, Sydney, Adélaide, Ballarat, Perth và Brisbane, riêng hai thương - cảng Sydney và Melbourne chiếm một địa-vị quan-trọng trên thương-trường quốc-tế.

Hải-đảo Nouvelle Zélande tuy thuộc châu Úc, nhưng đứng biệt-lập ngoài liên-bang. Người Anh chiếm được đảo này từ năm 1840, mấy giờ trước khi một bộ-đội Pháp cũng cùng mục-đích, tới chinh-phục đảo Nouvelle Zélande. Quân Anh phải giao-chiến lâu với người Maoris là thổ dân rất thông-minh và cương-quyết.

Đảo Nouvelle Zélande có nhiều mỏ kim-khí, riêng đất phì-nhiêu, nên dân-cư phồn-thịnh, dưới một chế-độ xã-hội đã có nhiều kinh-nghiệm.

Hai quần-đảo Zélande cách nhau một eo bể gọi tên là eo-bể Cook. Địa-thế 268 264 cây số vuông và dân-số 1218 nghìn dân Néo - zélandais. Kinh-thành là Wellington.

Những thuộc-quốc của Anh tại Úc-châu. là một cái kho nguyên-liệu và quân-nhu, đã từng góp một phần rất to trong công-cuộc kháng-chiến của Anh-đế-quốc.

Đã sẵn nguyên-liệu, lại có nhiều xưởng chế-tạo, Úc-châu đã sản-xuất một số chiến-cụ rất quan-trọng để cung cho Chính-quốc mà lại còn thừa để tự-vệ.

Quân Úc-châu, mà nhất là quân Néo-zélandais đã từng giúp Anh lập được nhiều chiến-công oanh-liệt trong các trận thủy, lục, không quân. Mới đây chính quân Néo-zélandais đã đổ bộ chiếm đảo Timor của Bồ-đào-nha.

Cái đảo Úc-châu phòng-thủ một cách rất kiên-cố, và có một lực-lượng rất mạnh để đối-phó với thời-cục.

Sau khi quân Nhật đổ bộ gần Hương cảng rồi chiếm được Quảng-đông của Tàu. Chính-phủ Luân-đôn đã từng quan tâm đến Hương-cảng, vì địa thế sẽ bị hãm trong một tình-thế cô-lập, nếu một ngày không xa phải đương đầu với mỗi cuộc tấn-công của quân địch. Nếu không lo kiến-thiết ngay một căn-cứ hải-quân ở nơi khác thì một khi Hương-cảng thất-thủ, cái thuộc-quốc của Anh trong Thái-bình-dương sẽ như trứng để đầu đẳng !

Vì vậy, Anh mở quân-cảng Darwin trên bờ bể xứ Bắc Úc-châu, kiến-thiết một cách kiên-cố vững-vàng, lập thành một căn-cứ rất quan-trọng cho hải-quân Anh.

Nhiều kho tàng xây ngầm dưới đất và dưới mấy thước sâu cách mặt đất, một thành-phố kỹ-nghệ rất hoạt - động, làm việc suốt ngày, đêm. Các phần-tử của căn-cứ-địa đều giao-thông với các cơ-quan phòng-thủ đặt ngầm dưới đất. Lại thêm một trường bay rất rộng đặt ở dưới « âm-cung », có nhiều phi-cơ máy-móc, dầu mỡ sẵn-sàng chỉ chờ lệnh là cất cánh bay cao để cùng quân địch thử tài cao-thấp.

Mới đây Chính-phủ đảo Nouvelle Zélande triệu-tập một hội-nghị phòng-thủ Thái-bình-dương, tại kinh-thành Wellington, có đại-biểu các thuộc-quốc Anh tới dự.

Hội-nghị đã giải-quyết nhiều vấn-đề quan-trọng và tìm các phương - pháp để đối-phó với thời-cục.

Việc cốt-yếu là phải sản-xuất thực nhiều chiến-cụ đủ cung cho cuộc chiến-tranh Thái-bình-dương. Hiện-thời Chính-quốc mắc bận trên hai chiến-tuyến Châu Âu và Châu Phi, vả sự vận-tải chiến-cụ từ xa lại, không những mất nhiều thì giờ, mà lại gặp nhiều nỗi khó-khăn nguy-hiểm, nên không gì hơn sản-xuất ngay khí-cụ tại các thuộc-quốc là những nơi đã sẵn nguyên-liệu, lại có đủ nhân-công Hội-nghị quyết-định mở-mang kỹ-nghệ chiến-tranh tại quần-đảo Úc và Nouvelle Zélande. Hiện nay, hai nơi này đương chế-tạo chiến-cụ rất gấp : phi-cơ, chiến-xa, súng, đạn, vân vân...

Quỹ chiến-tranh Úc-châu năm 1939 mới có 750 triệu bảng Anh, nay đã lên tới 2150 triệu bảng Anh.

Hội-nghị Wellington đặt thêm nhiều xưởng kỹ-nghệ chiến-tranh để tăng sự sản-xuất chiến-cụ, do căn-cứ vào tờ trình của phái bộ, không quân Anh mới rồi đã đi quan-sát tình-hình Úc và Nouvelle Zélande.

Hội-nghị lại đặt một hội-đồng phòng-thủ Thái-bình-dương làm căn-cứ cho cuộc hợp-tác giữa đế-quốc Anh trong lúc thái-bình, lại làm cơ-quan kiểm-xoát và chỉ-huy trong thời-kỳ chinh-chiến,

Trong lúc Thái-bình-dương song gió ầm ầm cac quần-đảo Úc và Nouvelle Zélande chiếm một địa-vị quan trọng trong đế-quốc Anh,

NHẬT-NHAM

Vì việc xếp-đặt trong nhà in, Tri-Tân bước sang năm 1942 này ra ngày thứ tư hằng tuần. Mong các bạn lượng biết

Giới-thiệu sách mới

1) Ký-ức cuộc hành-trình từ Đông-dương về Pháp và từ Pháp sang Đông-dương năm 1941. — Ông Raymond Sallé, một thương-gia có tiếng ở Hanoi, đã được cái hạnh-phúc trở về Pháp từ sau cuộc đình-chiến giữa Pháp-Đức, và lại mới sang Đông-dương, khứ hồi trên 7 vạn cây số đều được bình-yên vô-sự.

Trong khi lưu tại đất Pháp từ 6 janvier đến 6 Mai 1941, ông đã quan-sát một phần to miền nước Pháp tự-do. Khi tới Vichy, ông lại được cái vinh-dự đặc-biệt yết-kiến Thống-chế Pétain tại dinh Quốc-trưởng.

Bao nhiêu những điều mắt thấy tai nghe, bao nhiêu cảm tưởng về tình-hình sinh-hoạt của đồng bào bên chính-quốc, ông Raymond Sallé đã đem hiến công-chúng hồi 18 giờ rưỡi hôm 7 Octobre 1941 tại rạp hát tây Hanoi, trong một cuộc diễn-thuyết do quan Toàn-quyền Đông-dương Decoux chủ-tọa.

Diễn-giả đã được cử-tọa nhiệt-liệt hoan-nghênh.

Còn bài diễn-văn đầy văn-chương tư-tưởng mới đây đã đem in thành tập dày 27 trang, khổ nhỏ.

Đọc áng văn kiệt-tác ấy, lại tưởng đến nước Pháp vừa qua cơn sóng gió, lại nghĩ đến bao người đương theo gương Thống-chế Pétain đem hết tâm-lực để lo phục-hưng lại nền-tảng xã-hội, chắc độc-giả sẽ lĩnh-hội được nhiều tư-tưởng mới lạ để phấn-đấu với mọi nỗi khó-khăn trên đường đời đương tiến bước.

2) « Hội-chợ tháng Décembre 1941 — Thành-phố và tỉnh Nam-định » trong có nhiều mục rất nên chú ý : Trang kỷ công, khái-luận về vấn-đề kinh-tế tỉnh Nam-định, những cộng-tác về nông-nghiệp thủy-lợi, việc giúp-đỡ những ruộng muối Văn-lý, việc di-thực tự do và việc di-thực có kiểm-xoát, khái yếu về nền kinh-tế đại-kỹ-nghệ, công-cuộc xã-hội của Chính-phủ ở thành-phố và ở trong tỉnh, công cuộc của các cơ-quan xã-hội do tư-gia lập nên, công-cuộc xã-hội của nhà Chung, một mối hy-vọng về tương-lai.

Đọc qua các mục, ta có thể biết rõ tình-hình kinh-tế và xã-hội tỉnh Nam-định cùng sự tiến-bộ mau chóng có một không hai của một cựu trấn miền Sơn-nam Bắc-kỳ.

Sách in bằng giấy nhẵn mặt tại nhà in Viễn đông Hà-nội, có phụ nhiều tranh ảnh và nhiều bảng thống kê rất rõ ràng. Dày 48 trang, khổ rộng Bìa có vẽ.

Thực là một tập chỉ nam cho những ai muốn biết đến thành phố và tỉnh Nam-định về phương diện xã hội và kinh tế.

3) Pháp-Nam phục hưng — In tại nhà in Mai lĩnh. dầy 13 trang, giấy bản, khổ nhỏ. Tập vận văn này gồm có nhiều bài thơ hay, diễn đủ những nhời Thống chế Pétain hiệu triệu thanh niên nên theo khẩu hiệu cần lao, gia đình, tổ quốc, hăng hái để kiến thiết lại nền tảng xã hội, phục hưng lại tinh thần tổ quốc.

4) Mémorial de l'Empire do nhà Sequana ở Paris xuất bản giấy đẹp, ngót 300 trang, giá bán 2p. ở các hiệu Taupin và Imp. d'Extrême-Orient. Trong sách nhắc lại những chiến công oanh liệt của các đoàn quân Đế-quốc Đại-Pháp — Tiền bán sách sẽ dùng vào việc cứu tế chiến tranh. Thật là một việc nghĩa rất nên tán thành.

5) **Trên đồi xim** của Nguyễn khắc-Mẫn, dày 100 trang, giá 0 p, 50.

6) **Gió đưa** của Vị-Hồ, dầy 88 trang, giá 0 p, 45.

Hai quyển trên đều có thêm phần phụ và do nhà Tân-Việt xuất-bản.

Tri-tân xin cám ơn các nhà tặng sách và giới-thiệu cùng độc-giả.

ĐÓN COI :

TRI TÂN số xuân Nhâm-ngọ (1942)

LÝ CHIÊU-HOÀNG

(Kịch lịch-sử bằng thơ) Số 3

PHAN KHẮC-KHOAN viết

TRẦN THỦ-ĐỘ

Không, không, ngài là vua, là một vị quyền-năng.

TRẦN THÁI-TÔN

Quyền-năng ? Quyền-năng ?
Ta là một kẻ Quyền-năng ?
Không, là nam-nhi, ta quyết chẳng nghe xằng.

TRẦN THỦ-ĐỘ

Ngài là vua, là người ban ơn vũ lộ,
Ngài là vua ; mà thần đây là : Trần Thủ-Độ.

TRẦN THÁI-TÔN

Không, xin đừng lầm : đây là chỗ thiền-môn !

TRẦN THỦ-ĐỘ

Không, Ngài là vua cùng vũ trụ càn khôn
Xin mời Ngài lâm giá,
Ngự. . hồi loan cho thần đây được thỏa.

TRẦN THÁI-TÔN

Không, không,
Này tướng-công,
Tôi không bao giờ trở lại ;
Xin mời tướng-công lui,
Tôi quyết ở đay luôn, luôn mãi mãi !
Tôi đương còn niên thiếu thơ-ngây,
Tài kinh-luân không chút sẵn trong tay ;
Xin nhường lại cho ai ngồi hành-chính,
Và tất cả cơ-đồ, và bao nhiêu quyền-binh...
Không, không,
Tá không trở lại bao giờ ;
Ta còn đương niên thiếu ngây-thơ.

TRẦN THỦ-ĐỘ

Nếu thánh-thượng quyết không ngự về cung cấm,
Thì thần xin thiết điện tại nơi đây.
Có gì đâu : đành đổi chốn am mây
Ra điện-các để hội bàn quốc-sự.

VỊ QUỐC-SƯ

Xin bệ hạ rủ thương người tăng-lữ,
Trước Phật-tiền Thế-Tổ rất cao minh.
Bần-tăng xin Hoàng-thượng ngự về Kinh
Cho triều-chính được lặng-yên trong an lạc.
Nếu am-tự đem đổi làm cung-các,
Thì còn chi cảnh-trí đức Như-Lai ?
Thần dám đâu mang tội lớn cùng Ngài...
Xin Thánh thượng,
Hồi loan cùng quốc-trượng !
Cho trong ngoài trăm họ được yên vui.
Và giang sơn cùng tất cả những bầy tôi,
Mai mốt sẽ không còn lo ngơ-ngác
Vì vắng-vẻ mình rồng nơi điện-các.

TRẦN THÁI TÔN

Ta hiểu rồi, người đạo sĩ, bậc cao nhân :
Đã cầm cương cho tất cả những thần dân,
Ta không lẽ rời ngôi ngay trong chốc-lát.
Nhưng nếu Ngài rõ, Cao Xanh ơi :
Cõi lòng ta tan-nát,
Và nam-mô Phật Tổ Đại Từ-Bi,
Xin buông thuyền tế độ kẻ nam-nhi.
Ta không phải non lòng hay mỏng dạ,
Ta có thể không bao giờ buồn bã,
Nhưng mà cây muốn lặng gió không ngừng,
La chưa rơi mà cành gẫy lưng chừng
Thôi cũng quyết hi sinh lòng nghĩa-khí ;
Cầm cương tạm cho dân binh, nước trị,
Không mong gì hạnh phúc của tơ duyên :
Tấm lòng ta đã trao gửi cửa thiền
Ta trở lại nơi thâm cung buồn trống-trải,
Ta trở lại cho lòng đau khắc-khoải,
Ta trở về cao ngự chiếc ngai xưa ;
Nhưng, trong tim ta, ngai gẫy tự bao giờ !
Ta trở lại
Xin bái biệt thiền môn, về mãi mãi ;
Xin gửi người đạo-sĩ chiếc cà-sa
Mấy ngày nay đã ấp-ủ tấm lòng ta.
Cao tăng ơi ! xin lên đèn sáng tỏ,
Mong đức Phật từ bi ngài chứng rõ,
Độ trì cho muôn vạn kiếp sinh-linh
Đã bền gan gìn-giữ tấm trung-trinh.

TRẦN THỦ-ĐỘ

Thần, thái-sư, người quốc-trượng !
Xin cam chịu tội, dày cùng Thánh Thượng,
Vì tim già bọc sắt, máu không rung...
Nhưng, thần vẫn hằng bền giữ dạ kiên-trung
Phường bát âm đâu rồi ? Mau tấu nhạc
Cho Thánh-thượng ngự hồi nơi cung-các.

(Điệu đăng đàn cung)

(MÀN HẠ RỒI LẠI CUỐN LÊN NGAY)

Cảnh hai

Cũng cảnh chùa ; Chiêu Thánh Một nữ - tỳ } bận đồ sư ni.

CHIÊU-THÁNH

Đêm tàn,
Rung-rinh màn,
Màn bay lay khói nhẹ,
Hương Tươi với gió đàn.
Ngoài trời.
Sương rơi rơi.
Hương rơi vơi lệ lá,
Châu rơi khỏi tình người,
Tiếng gì trong khóm lá?
Hay xa, vang tiếng đời ?
Xa rồi, người rồi...
Thôi quên rồi !
Cảnh đời nay chỉ thoáng xa xôi.
Đêm tàn,
Rung-rinh màn.
Ngày xưa gió nhẹ rung tơ tóc,
Ngày nay gió lạnh rùng tâm can.
Đây mơn mơn áng tóc,
Đây duyên nợ trần-gian,
Duyên trần-gian, nợ trần-gian,
Mỗi sợi xanh xanh mối phiền đàn.
Mỗi giây tóc uốn giây ràng-buộc ;
Mỗi áng xanh tuôn, suối lệ tràn.
Duyên trần-gian,
Nợ trần-gian ;
Nợ duyên trần-thế khéo đa-đoan !
Giây đã cắt lìa thôi chẳng vướng.
Nợ đành tuôn rũ chẳng cưu-mang.
Này xanh xanh áng tóc,
Này duyên nợ trần-gian.
Từ ngôi vương-hậu, ngôi uy vũ,
Đến cảnh tăng ni, cảnh tịch nhàn.
Mười chín xuân xanh đành chịu lỡ
Giấc mộng trần ai bỗng chốc tàn !
Giấc mộng trần ai bỗng chốc tàn.
Tơ duyên đành đã lỡ muôn vàn.
Tiếng chuông sám hối tan lòng tục,
Hồn lẻ bơ vơ gửi Nát bàn.
Bơ-vơ tìm cõi Nát-bàn,
Tay lần chuỗi hạt, lên đàn giải mê
Nhân-gian khuất nẻo đi về,
Lòng ơi dừng lại, đừng nghe tiếng đờn

NỮ-TỲ (trông thấy chiếc nhẫn rơi dưới đất)

Ô kìa chiếc nhẫn vàng rơi,
Cảnh chùa sao lại có người.. vào đây?

CHIÊU-THÁNH

Trời ơi, ta ở đâu đây?
Chính là chiếc nhẫn tự ngày năm xưa.
Đây là duyên nghĩa ngây thơ,
Nghĩa duyên như chuyện tình cờ nước mây.
Làm sao nhẫn lại vào đây ?
Trời ơi gợi mối duyên này làm chi ?
Cố tình đâu nữa, mà ghi,
Mà lòng nào nỡ... vứt đi cho đành !
Than ôi đã trót tu hành,
Còn vương chút kỷ-niệm tình oan-khiên.
(Chiêu-thánh thờ-ơ, vô tình đeo chiếc nhẫn vào tay)

MÀN HẠ

(Một tấm màn rất mỏng
có thể trông thấy qua được)

Cảnh ba

Phía trong : Vẫn cảnh ấy với Chiêu-Thánh.

Phía ngoài : Trần-Thái-Tôn ngự thuyền rồng trên sông, một thị-vệ ; rồi Trần-Liễu với một chiếc đò nhỏ.

TRẦN-THÁI-TÔN (dạo thuyền rồng trên sông, ở xa một con đò nhỏ...)

Một chiếc thuyền rồng rẽ nước xanh,
Hai bờ cây la trĩu sương trinh ;
Một giòng sông vắng, đìu-hiu gió,
Mấy mảng bèo trôi, nổi rập-rình.
Gió đặt hài êm trên khóm cây,
Trời tô son thắm mà hây-hây,
Kìa con đò lạc tương tư bến
Rẽ lớp bèo xanh, chảy tới đây,
Cảnh sắc bình-minh thắm đượm hồng,
Hồng châu tuôn rãi khắp non sông.
Giờ này mới thực làm vua chúa :
Vũ-trụ uy-nghiêm một điện rồng.
Giờ này ta mới thực lên ngôi.
Mới thực lên ngôi dưới mặt trời ;
Ngự chiếc ngai thuyền trên nước thẳm.
— Ồ, con đò nhỏ tiến đâu rồi ?
Những mảnh trời trôi lướt cạnh thuyền.
Giờ này có lẽ nước bình-yên,
Bình-yên với cảnh thiên nhiên vắng :
Ta nhớ hôm xưa ở cảnh chiều...

TRẦN LIỄU (*Ghé đò, lên đến phía sau thuyền ngự*).

Những mảnh trời trôi lướt cạnh thuyền ;
Từ xa, Người tưởng nước bình yên.
Nhưng không, nước vẫn ngầm khơi sóng :
— Có một hồn oan ở cảnh thiền.

(Còn nữa)

SỐ 6

TIỂU-THUYẾT DÀI

THOÁT CUNG VUA MẠC

CHU-THIÊN viết

— CON dại quá, thế sao con không nói ngay với nhà chùa từ hôm ấy, có phải các cụ đã hay tin rồi đỡ sốt ruột và con cũng đỡ phải nghĩ-ngợi không? Hôm nay gần tối rồi, về không kịp. Mai lại ngày tuần, nhà chùa bận. Thôi để ngày kia có người đưa con về, đến nhà vào trình với các cụ tử-tế. Vậy con cố nán ở lại đây đến ngày kia nhé

— Bẩm vâng, con xin đợi đến ngày kia! Tấm lòng từ-bi đối với chúng sinh thật vô-biên vô-lượng. Phận hèn-mọn nên không biết lấy gì mà đền đáp được muôn một trong công-ơn như giời như bể ấy!

Lão ni nói:

— Con nên yên lòng, lọ là thâm tạ mới là tri ân. Cửa Phật rất rộng, cứu kẻ trầm-luân là công-việc của nhà Chùa. Con bất-tất phải quá nghĩ.

●

Cách hai hôm sau, một vị ni trẻ với một lão già thuê thuyền quen trong làng đưa Liên-Tường tiểu-thư về. Thuyền ghé bến nhà, nàng hớn-hở đưa hai người lên, nhẹ-nhàng vui-vẻ bước về trại bọ Phan. Nhưng khi về đến cổng, nàng hết sức sửng-sốt vì thấy cổng đóng kín mít, ngoài có treo một biển gỗ quét vôi, trên đề hai giòng chữ: « *Bạn nghịch bất đạo, tài sản nhập công* » (1). Nàng đoán biết ngay được mọi việc đã xảy ra, song cố trấn tĩnh nhìn qua lũy tre, thấy ở trong cỏ cây xơ-xác, nhà cửa tan-hoang vắng ngắt, nàng bỗng oà lên khóc và nghẹn-ngào nói:

— Thôi nguy to rồi! Giời đất ôi! Cha mẹ ôi! Vì đâu đến thế này, cha mẹ ơi!!

Rồi nàng ngã gục xuống.

Bà vãi già và vị sư ni vội giữ lấy nàng, tìm lời an-ủi, và ân-cần bảo:

— Cô đừng quá vội lo nghĩ làm vậy, hỏng cả việc, chúng tôi còn biết làm thế nào! Cô hãng bình-tâm lại để dò hỏi bình-tình xem sao, sự-thể thế nào đã, rồi liệu sau, chứ cô cứ khóc ngất đi ở đây, thì còn ai biết đường nào mà « *giờ* »!

Liên-Tường nghe lời, cố-gượng dậy lau nước mắt, đi hỏi thăm tin-tức. Thấy một người đang tất-tả đi ở đầu làng, nhận ra là người quen, nàng vội chạy lại hỏi:

— Thím Chính ơi, thím Chính! Thím đợi, tôi hỏi cái này một tí...

Người đàn-bà quay lại, trông thấy Liên-Tường, vội cắm đầu chạy...

Liên-Tường ngơ-ngác không hiểu sao cũng cắm đầu đuổi theo, vừa chạy vừa gọi. Hai người nhà chùa cũng chạy theo và gọi giúp:

— Bà làm ơn đứng lại cho nhà chùa chúng tôi hỏi thăm một tí nào!

Nhưng người vẫn mải miết chạy một mạch đến cổng làng.

Một người đàn ông ở trong làng đi ra thấy ba người chạy đuổi theo một người làng, tưởng là bọn đôi co cãi cọ gì, liền hỏi rằng:

— Cái gì vậy, chị Chính?

Người kia hốt hoảng quay lại đằng sau, rồi lại cắm cổ chạy, không nói năng gì cả. Người đàn ông liền quát to lên rằng:

— Các người làm gì mà giữa bán ngày dám công nhiên đuổi đánh người thế!

Liên-Tường trông thấy người quen vội hồn hển hỏi:

— Kìa, ông Xã, chào ông, tôi đây mà. Tôi gọi thím ấy, thìm ấy cứ chạy.

Người đàn ông trố mắt nhìn, ngạc nhiên.

Hai người nhà chùa cũng vừa đến gần vừa thở vừa nói:

— A di đà phật! Chào ông ạ, nhà chùa chúng tôi đưa Liên-Tường tiểu-thư về đây, thấy nhà cửa niêm phong, nên vội đi tìm người để hỏi thăm.

Người đàn ông nhìn Liên-Tường từ đầu đến chân, rồi mới nói:

— Sao bảo tiểu thư chết rồi kia mà?

Liên-Tường càng lạ lùng hỏi:

— Sao thế, ông? Sự thể thế nào? Ông bảo ngay cho tôi rõ, tôi cần biết lắm. Tôi có chết đâu kia chứ!

Người kia chép miệng một cái rồi thong thả đáp:

— Thế mà ai cũng tưởng cô chết cháy rồi! Sau khi nhà bị cướp, cụ lớn tìm mãi không thấy cô, cho người bới đống than ở cái nhà chúng đốt, thấy có xương người khen khét. Mọi người đều tin là cô đã bị chết. Cụ lớn liền cho nhặt các xương vụn, khâm-liệm tử-tế, táng ở bên hồ Bán-nguyệt, rồi lập đàn siêu-độ đúng bảy ngày...

Giữa lúc ấy, những người trong làng thấy chị Chính hoảng hốt đem tin về, đều chạy ồ cả ra xem hư thực thế nào. Họ trông thấy Liên-Tường đương nói chuyện với ông Xã đều vội tiến sát lại gần, vây chung quanh, và hỏi vội:

— Kìa, tiểu-thư! Tiểu-thư còn sống?

Ông Xã gạt mọi người:

— Để im tôi kể nốt cho tiểu-thư rõ chuyện đã nào!

Rồi ông nói tiếp:

— .. Vừa xong việc ma chay, thì có quan quân về bắt cụ lớn giải về kinh về tội bạn-nghịch Triều-đình. Của-cải, điền, địa đều bị tịch thu cả...

Liên-Tường nghe đến đây, vội òa lên khóc:

— Ới giời ơi, thật tôi làm hại cha tôi!

Rồi nàng ngã lăn xuống đất, ngất lịm đi. Nhà sư vội bế lấy và lay đầu gọi mãi. Mọi người đứng quanh

đều bùi-ngùi ái-ngại. Hồi lâu, Liên-tường mới hơi tỉnh lại và vội hỏi :

— Thế mẹ tôi và em nuôi tôi bây giờ đâu ?

Mọi người hỏi nhau :

— Có ai biết cụ lớn bà bây giờ ở đâu không nhỉ ?

Không người nào biết cả. Ông Xã lúc nãy nói tiếp :

— Không biết bây giờ cụ đi đâu. Để cho người tìm chú cu Bất ở với cụ trước, xem có biết không !

Nhà sư nói :

— Vâng, cụ làm ơn cho người hỏi giúp tiểu-thư xem...

Lúc ấy, thím Chính mới hoàn hồn chạy ra đến nơi hỏi :

— Chết chửa, tiểu thư ! tiểu thư làm tôi mất hồn mất vía, chạy bán sống bán chết !

Bà vãi lúc ấy mới mở miệng :

— Gớm cái nhà bà này mới dát chứ, càng gọi, càng lậy van bà ấy, bà ấy càng chạy.

Rồi mỗi người một câu góp vào trò truyện thành ra ồn ào huyên náo và vui vẻ nữa, giữa nỗi buồn tan-nát của cảnh sinh ly ở trong lòng người con gái ngây thơ yếu đuối !

Ở nán lại một lúc, không hỏi thêm được điều gì nữa, nhà sư và bà vãi chào biệt dân làng, rồi vực Liên-Tường tiểu-thư ra thuyền, lại trở về chùa.

Nàng ốm liên miên, mê man luôn mấy ngày liền, nhà chùa hết sức chăm nom thang thuốc. Vị lão ni ngồi luôn bên cạnh nàng, trông coi và sai bảo các vãi, tiểu hầu hạ. Lúc nàng tỉnh thì lão ni ngọt ngào khuyên giải và tụng kinh quan-âm và kinh Dược sư cho nàng nghe. Lúc nàng mê, thì người lại lâm râm tụng-niệm cầu cho nàng chóng qua khỏi. Mấy ngày sau, nàng khỏi hẳn, nhà chùa cố ý giấu chuyện trước đi, không nhắc gì đến, nhưng nàng không thể cầm lòng được, xin với lão ni cho nàng lên Kinh-kỳ tìm đường dâng sớ minh oan cho cha. Lão ni có ý muốn lưu lại ít lâu cho nàng khỏe mạnh hẳn, bớt sự cảm xúc trong lòng. Nhưng nàng năn-nỉ nói :

— Sư-mẫu giầu lòng tế độ, thương con đủ mọi đường Nhưng cha con chỉ có mỗi mình con, mà lúc này thân già gặp nạn nếu con không trông gương nàng Đề-Oanh, nghĩ cách báo ngay sợ cha con không toàn tính mệnh thì con sao khỏi tủi thẹn với cổ-nhân. Xin sư-mẫu để cho con đi.

Lão-ni buồn-rầu đáp :

— Lòng con đã quyết, ta không dám giữ. Nhưng ta chỉ e con còn trẻ người non dạ, lại vừa mới ốm khỏi, thân gái dặm trường, tránh sao khỏi những sự bất trắc.

Liên-Tường đáp :

— Bạch sư - mẫu, lòng con đã quyết một mực minh oan, thì dù nguy-hiểm trắc-trở đến đâu, con cũng nguyện vượt hết để làm được việc.

— Ừ thì ta để con đi. Nhưng con mới lên kẻ-chợ, còn lạ non lạ nước, e có nhiều nỗi không tiện chăng. Vậy để ta viết giấy cho Sư Cụ chùa Diên-Khánh (2) cho con ở tạm đấy và may ra nhà chùa trên ấy có giúp thêm cho con được việc gì nữa thì càng hay.

— Lạy sư-mẫu, sư-mẫu nghĩ cho con chu-đáo quá. Kiếp sống thừa này không biết có làm nên công-trạng gì để khỏi uổng phí công ơn giời bể của cửa Từ-bi !

— Con cứ yên tâm. Lòng hiếu của con đã thấu đến Giời, Phật. Giời, Phật lúc nào cũng phù-hộ che-chở cho con chóng được toại ý, lúc ấy ta lại gặp nhau, ngại gì.

Tiếng chuông chùa bỗng vang dậy ngân-nga như tỏa phép nhiệm-mầu đem sự yên-ủi phấn-khởi vào lòng mọi người. Mọi người trong chùa lúc ấy đều chắp tay lâm-râm niệm :

— Nam mô A-Di-Đà Phật. Cứu khổ, cứu nạn Quan thế-âm Bồ-tát.

PHẦN THỨ HAI

I

Liên-Tường tiểu thư đến chùa Diên-khánh vào một chiều thu hiu hắt may ! Trên trời ảm đạm như một ngày tang. Những mây lờ đục cứ nghìn nghịt đuổi nhau liên tiếp luôn luôn không ngớt để chạy tít về phương trời xa lắc... Cảnh trời đất như cũng se lại với tâm trạng cô thiếu nữ !

Qua một con đường đất nhỏ ngoằn-ngoèo, đầy ngập những lá tre xanh vàng lẫn lộn, rẽ quặt sang phía tây mấy bước là vào đến chùa.

Đi dưới cái cổng gạch mốc meo rêu phủ, trong lũy tre già rậm rạp, nàng có cảm tưởng như đi vào một thế giới khác, tuy phong vị nhà chùa nàng đã nếm qua. Một sự yên tĩnh nghiêm trang như đè nặng xuống lòng người. Nàng rụt rè, bỡ ngỡ, đặt những bước chân ngập ngừng trên sân chùa rộng.

Nàng đến đã hơi lâu, ngóng đợi, mà trong chùa vẫn vắng ngắt không một bóng người. Nàng mạnh bạo bước lại gần hè nhà tổ khom lưng ghé mắt nhìn qua kẽ « giại » vào trai phòng. Ở trong có tiếng nói ra :

— A-di-đà-phật ! xin mời đồng đạo quá bộ lại phòng khách ở hiên Tây.

Liên-Tường kính thưa :

— A-di đà-phật ! Lậy phật ! lậy tổ ! Bạch sư, tiện tín chửa thế-phát, không dám lạm nhận là đồng đạo ! Bạch-sư, tiện tín có chút việc muốn xin vào cần bạch trước cửa thiền.

— A-di-đà-phật ! Vậy mời du-khách lại hiên đông, có lối lên tam-bảo hành hương.

— Bạch sư, tiện-tín ở chùa Liên-hoa bên Khoái-châu, có thư của lão ni gửi đệ lên sư-tổ.

Một vị sư ông ở trai phòng bước ra nói :

— Vậy phiền du khách giao thư cho bần-tăng vào trình cụ.

Liên-Tường lấy thư ra hai tay kính cẩn đưa cho vị sư và nói :

— Tiện-tín xin bái tạ tấm lòng tế độ của cao-tăng.

— A-Di đà phật.

CHU-THIÊN

Còn nữa

---

(1) Phản-nghịch không đạo ; của-cải bị sung công.

(2) Chùa Diên-Khánh là chùa Diên-Hựu ở phía tây kinh-thành, tức là chùa Một cột, nay thuộc vào địa-phận làng Ngọc-hà, phía nam vườn Bách-thảo.

Một đoạn dã-sử

TRỌI DẾ

Ta thường thấy nói trọi trâu, trọi gà hoặc trọi chim chứ, không nghe nói trọi dế công-khai bao giờ, thế mà lối chơi này ở nước ta có đã lâu. Thời-kỳ thịnh nhất vào đời vua Lê Hy-Tông, niên-hiệu Chính-hòa (1680-1705), không những ở chốn dân-gian mà ngay đến trong Nội cũng hay chơi trọi dế. Nhà vua đã xuống chỉ bắt mỗi tổng phải nuôi một con dế đem dâng. Tổng nào có dế hay thì viên cai-tổng được thưởng hàm tri-huyện và tổng ấy được miễn xưu thuế cả năm. Bởi thế, thời bấy giờ con dế rất có giá trị, nên mới có câu chuyện người cai tổng quyên-sinh vì con dế, và... có lẽ, sau cái chết để minh oan của thầy cai kia, nhà vua đã bãi các cuộc trọi dế, cho đến ngày nay lối chơi này chỉ còn thích-hợp với đám con trẻ.

.·.

Nhà Lê, niên hiệu Chính-hòa,
Bốn phương phẳng-lặng, âu-ca thái-bình.
Thôn-quê cho chí thị-thành,
Lối chơi trọi dế thường tình biết bao!
Lệnh vua: bất cứ tổng nào
Cũng nuôi «dế trọi» tiến vào trong cung.
Dế hay, thăng thưởng đền công,
Lại tha xưu thuế suốt vùng cả năm.

.·.

Bấy giờ ở phủ Thuận-thành, (1)
Thầy cai Đại-mão hiền-lành xưa nay,
Tưởng là vận đỏ, hồi may,
Được con dế qúi đợi ngày tiến kinh.
Lồng son nhốt để cạnh mình,
Hằng ngày chăm-chút thực tình dám sai.
Nào ngờ thần ám họa lai,
Đứa con đánh dế chết quay tức-thời!
Sợ đòn, trốn bặt tăm-hơi,
Làm cho thầy tổng rối bời ruột gan:
«Việc này lỡ đến tai quan,
«Khi quân» khép tội, an-toàn được nao!»
Một mình than-vãn hồi lâu,
Liền ra chỗ vắng, phía sau đình làng:
Treo đầu lên chiếc cành bàng,
Mượn giây oan-nghiệt quyết đàng quyên-sinh.
Nghĩ người cai tổng thương tình,
Vì con dế mọn thân mình xem khinh!

VÂN-THẠCH

(1) Thuộc tỉnh Bắc-ninh

PHẬT-HỌC THƯ-XÃ

Sách nấu đồ chay 71 món 0p.30
A-Di-Đà kinh. Có 3 bổn: chữ Hán, quốc-âm, quốc-văn 0.25
Di-Đà, Hồng-danh, Vu-lam, Phổ-môn (kinh tụng) 0.40
Sự tích Phật A-Di-Đà 0.20
Phật Pháp vỡ lòng 0.20
Chuyện Phật đời xưa có 37 tích rất hay 1.00
Du lịch xứ Phật (xứ của đức Phật sống) 0.90
Triết-lý nhà Phật 1.00
Pháp-giáo nhà Phật 1.10
Na-Tiên Tỳ-kheo-kinh (cuộc luận đạo rất thâm trầm giữa một nhà vua với một nhà sư) 0.80
Sách đóng bìa năm quyển (Truyện Phật Thích-Ca, du lịch xứ Phật Đạo-lý nhà Phật, chuyện Phật đời xưa, văn-minh nhà Phật) mạ chữ vàng. 5.50
Gởi mandat, phụ thêm 10% cước phí.
Địa chỉ: Monsieur
ĐOÀN-TRUNG-CÔN
143 rue de Louvain Saigon

TẠP TRỞ

Một cách lừa người khôn khéo

TRÊN các tờ báo Pháp, các bạn thường thấy có đăng những cuộc đố chữ có giải lớn.

Người ta đăng một câu tục-ngữ rồi bỏ bớt đi một vài chữ. Nếu ai đoán trúng sẽ được thưởng một chiếc kèn hát và một chiếc xe đạp!

Thật dễ-dàng, các bạn hay tôi chẳng cần nghĩ-ngợi cũng tìm thấy những chữ thiếu và còn ngần ngại gì mà không gửi thư dự thi. Nhưng hãi khoan vì đó chẳng là một món hời lớn.

Vì nếu bạn đoán trúng lẽ cố-nhiên bạn được lĩnh thưởng, nhưng muốn được kèn hát thì bạn phải mua 17 đĩa hát giá có 17 quan một đĩa thôi! Còn xe đạp thì phải mua trước ngân-phiếu 13 quan gửi tới. Kể ra thì cũng rẻ chán nhưng vài ngày sau bạn chỉ nhận được một chiếc bút máy con kiểu Nhật với một bức thư có lời dặn «nếu bạn bán được 500 bút máy như kiểu gửi đây sẽ được biếu một chiếc xe đạp».

Đó những cuộc đố chữ thường thấy trên các báo chí là những mánh-khóe người ta nghĩ ra để lừa những người nhẹ dạ.

(Jean de Cordesthieux; Les neveux de Mercure)

Mạnh-Phan dịch

Ô - tô, nhà lầu,
vợ đẹp, con khôn,
tiền của nhiều...

Đó là cái mộng tưởng của hầu khắp mọi người.

Muốn có cơ dễ đạt cái mộng tưởng ấy, chỉ có một cách

mua vé số

ĐÔNG-PHÁP

1$00 một vé

Nhà thuốc tưởng đỏ

ĐỨC - PHONG

45, Phố Phúc-kiến Hanoi

Bán buôn đủ thuốc bắc, thuốc nam, thuốc sống, bào chế, các thứ sâm, được tín nhiệm xưa nay về 3 đặc điểm: Thuốc tốt, cân đúng, giá phải chăng.

MỚI PHÁT HÀNH 4 MÓN

Thuốc kinh nghiệm rất quý

1·) Thuốc bổ thận Đức-phong giá 1p.50
Chữa các chứng thận hư: di tinh, mộng tinh khí hư

2·) Thuốc điều kinh bổ huyết Đức-phong giá 1p.20
Kinh nguyệt thấy đều, tăng sức khỏe cho các bà, các cô.

3) Thuốc bo tỳ tiêu cam Đức-phong giá 1p.00
Chữa chứng cam run, thuốc bổ của trẻ em

4·) Thuốc đại bổ Đức-phong giá 1p.50
Bổ khí huyết, dưỡng thai, thuốc bổ của nam phụ lão ấu.

CÓ ĐẠI LÝ CÁC NƠI: Hiệu thuốc Đức-tiến. 200 Route de Huế Hanoi, Hiệu thuốc Đức-Mỹ 52 bis Bạch-mai Hanoi hiệu Đức-Hưng-Tường 437 Ngã-tư Trung-hiền Hanoi, hiệu Mai-Lĩnh 60, 62 Paul Doumer Haiphong, hiệu Mai-Lĩnh 120 Geoges Guynemer Saigon, hiệu Đậu-hiên 81 rue Harmand Hưng-Yên, hiệu Đức-thịnh 126 phố Tiền-An Bắc-ninh, nhà Anh-Mỹ 16 phố Hàng Da Hanoi, Tự-Toàn 144 rue Duvilliers Hanoi, Vũ-văn-Kích Avenue Aristide-Briand Boite postales N° 62 PhnomPenh.

THOÁI-NHIỆT-TÁN HỒNG-KHÊ

Cảm, sốt, nhức đầu, đau sương đau mình, trẻ con người lớn chỉ uống một gói Thoái-Nhiệt-Tán hiệu Phật 12 tay giá 0p.10, 5 phút ra mồ hôi khỏi hẳn.

THUỐC KHÍ HƯ

Các bà bị bênh ra khí hư (sích bệch đái hạ) uống đủ các thứ thuốc không khỏi, chỉ dùng một hộp thuốc khí hư Hồng-Khê số 60 giá 1p.00 uống trong và một hộp thuốc Ninh-Khôn Hoàn Hồng-Khê giá 1p.50 đồ vào cửa mình là khỏi rứt. Trăm người chữa theo cách này khỏi cả trăm.

ĐIỀU KINH DƯỠNG HUYẾT

Các bà các cô kinh không đều máu sấu uống thuốc Điều kinh dưỡng huyết Hồng-Khê (0p.50 một hộp) kinh đều huyết tốt ngay.

THUỐC «CAI HỒNG-KHÊ»

Không chộn lẫn chất thuốc phiện (nhà đoan đã phân chất), nên ai ai cũng có thể bỏ hẳn được mỗi ngày hút một đồng bạc thuốc phiện, chỉ uống hết 0p.20 thuốc cai là đủ vẫn đi làm việc như thường, thuốc viên 0p.50 một hộp, thuốc nước 1p.00 một chai.

THUỐC PHONG TÌNH HỒNG-KHÊ

Giây thép buộc ngang giời. Thuốc Hồng-Khê chữa người lẳng lơ! Hai câu sấm này, ngày nay quả thấy ứng nghiệm, vì ai bị lậu không cứ mới hay kinh-niên uống thuốc lậu Hồng-Khê số 30, môi hộp 0p.60 cũng rứt nọc, ai bị bệnh giang mai không cứ về thời kỳ thứ mấy, mới hay đã nhập cốt rồi, uống thuốc giang mai số 14 cũng khỏi rứt nọc một cách êm đềm không hại sinh dục, nên khắp nơi đâu đâu cũng biết tiếng.

NHÀ THUỐC HỒNG-KHÊ

Tổng cục: 75 Phố Hàng Bồ. *Chi nhánh* 88 Phố Huế Hanoi và đại-lý các nơi.
Có biếu sách GIA-ĐÌNH Y-DƯỢC và HOA-NGUYỆT CẨM-NANG để phòng thân và trị bệnh.

Imp. spéciale du Tri-Tân Administrateur-gérant: Dương-Tu-Quan